SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN 1

Số: 618/TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 1, ngày 6 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v mời chào giá

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Quận 1 có Kế hoạch thực hiện 2 Gói thầu trong quý 2/2024: Gói thầu "Hóa chất xét nghiệm theo máy năm 2024-2025"và Gói thầu "Vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm thông dụng năm 2024-2025". Đề nghị các đơn vị (nhà thầu) quan tâm gửi báo giá để Bệnh viện xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu của 2 gói thầu trên như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quận 1- Địa chỉ: 338 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh;
- Nơi nhận báo giá:
  + Khoa dược (lầu 3, phòng 314)
  + Số điện thoại: 028 38207191
  + Email: dauthauthuoc.bvq1@gmail.com
- Cách thức nhận báo giá:
  + Nhận báo giá bản giấy trực tiếp tại: Khoa dược (lầu 3, phòng 314)-Bệnh viện Quận 1- số 338 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
  + Nhận bản scan báo giá và file Excel báo giá qua địa chỉ email: dauthauthuoc.bvq1@gmail.com
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 06 tháng 05 năm 2024 đến hết ngày 16 tháng 05 năm 2024 trong giờ hành chính:
  - Sáng: Từ 7h00 đến 11h30;
  - Chiều: Từ 13h00 đến 16h30

  Trừ ngày thứ 7 và chủ nhật
- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh Hóa chất xét nghiệm theo máy và vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm thông dụng (đính kèm các phụ lục chi tiết):

STT	Tên gói thầu	Ghi chú
1	Hóa chất xét nghiệm theo máy năm 2024-2025	phụ lục 1
2	Vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm thông dụng năm 2024-2025	phụ lục 2

2. Bảng báo giá: theo mẫu *phụ lục 3 đính kèm*

- Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế phí, lệ phí và chi phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí khác có liên quan.
- Báo giá phải được đại diện nhà thầu ký tên và đóng dấu.
- Báo giá phải ghi rõ ngày, tháng/năm báo giá và đóng dấu giáp lai (nếu trên 2 tờ giấy)

Kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi báo giá theo địa chỉ và thời gian nêu trên.

Xin trân trọng cám ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

BSCKII. Nguyễn Thành Tâm

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN 1

PHỤ LỤC 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Gói thầu: " Mua sắm Hóa chất xét nghiệm theo máy năm 2024-2025"

(Đính kèm Thông báo số 618 /TB-BV, ngày 06 tháng 05 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Phần 1. Hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động công suất 100 test/giờ						
1	Chất kiểm chuẩn NT-pro BNP	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hoá phát quang để đinh lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	3	
2	Chất kiểm chứng NT-pro BNP	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hoá phát quang để đinh lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	4	
3	Hóa chất xét nghiệm NT-pro BNP	Xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hoá phát quang để định lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	6	
4	Chất kiểm chuẩn AFP	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha-fetoprotein (AFP).	Hộp/6x4mL	Hộp	3	
5	Chất kiểm chứng AFP	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha-fetoprotein (AFP).	Hộp/3x8mL	Hộp	4	
6	Hóa chất xét nghiệm AFP	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha-fetoprotein (AFP).	Hộp/100 test	Hộp	6	
7	Chất kiểm chuẩn HCVAB	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/1x4mL	Hộp	3	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Chất kiểm chứng HCVAB	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x8mL	Hộp	4	
9	Hóa chất xét nghiệm HCVAB	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	12	
10	Chất kiểm chuẩn CEA	Hoá chất chuẩn Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi (carcinoembryonic antigen, CEA) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x4mL	Hộp	3	
11	Chất kiểm chứng CEA	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi (carcinoembryonic antigen, CEA) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	4	
12	Hóa chất xét nghiệm CEA	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi (carcinoembryonic antigen, CEA) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	10	
13	Dung dịch rửa dùng trên máy miễn dịch	Dung dịch rửa có chứa muối đệm phosphate dùng cho hệ thống máy xét nghiệm miễn dịch.	Hộp/4x975mL	Hộp	12	
14	Chất kiểm chứng Free T4	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	3	
15	Chất kiểm chuẩn định tính HBSAG	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x4mL	Hộp	2	
16	Chất kiểm chứng định tính HBSAG	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x8mL	Hộp	3	
17	Hóa chất xét nghiệm định tính HBSAG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	8	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Dung dịch Pre- Trigger chạy trên máy miễn dịch	dung dịch hydrogen peroxide được sử dụng để tách thuốc nhuộm acridinium ra khỏi liên hợp liên kết với phức hợp vi hạt.	Hộp/4x975mL	Hộp	15	
19	Nước rửa kim hút mẫu máy miễn dịch	Nước rửa kim, dùng cho máy Architect.	Hộp/4x25mL	Hộp	2	
20	Nắp hộp hóa chất	Màng ngăn.	Hộp/200 cái	Hộp	1	
21	Chất kiểm chứng Total PSA	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PSA toàn phần (cả PSA tự do và PSA phức hợp với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người.	Hộp/3x8mL	Hộp	3	
22	Chất kiểm chuẩn Total PSA	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PSA toàn phần (cả PSA tự do và PSA phức hợp với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người.	Hộp/2x4mL	Hộp	4	
23	Hóa chất xét nghiệm Total PSA	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PSA toàn phần (cả PSA tự do và PSA phức hợp với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người.	Hộp/100 test	Hộp	12	
24	Dung dịch Trigger chạy trên máy miễn dịch	dung dịch natri hydroxit được sử dụng để tạo ra phản ứng phát quang hóa học cung cấp kết quả đọc cuối cùng.	Hộp/4x975mL	Hộp	15	
25	Chất kiểm chuẩn TSH	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroid stimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x4mL	Hộp	4	
26	Chất kiểm chứng TSH	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroid stimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	4	
27	Hóa chất xét nghiệm TSH	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroid stimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	28	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	Chất kiểm chuẩn HS Troponin	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh.	Hộp/6x4mL	Hộp	6	
29	Chất kiểm chứng HS Troponin	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh.	Hộp/3x8mL	Hộp	3	
30	Hóa chất xét nghiệm HS Troponin	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh.	Hộp/100 test	Hộp	26	
31	Chất kiểm chứng Rubella IgG	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	4	
32	Chất kiểm chuẩn Rubella IgG	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	3	
33	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	6	
34	Chất kiểm chứng Rubella IgM	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x4mL	Hộp	3	
35	Chất kiểm chuẩn Rubella IgM	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/1x4mL	Hộp	4	
36	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	6	
37	Hóa chất xét nghiệm Syphilis	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	6	
38	Chất kiểm chuẩn Syphilis	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/1x4mL	Hộp	4	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
39	Chất kiểm chứng Syphilis	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x8mL	Hộp	4	
40	Chất kiểm chứng BHCG	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β-hCG) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	3	
41	Chất kiểm chuẩn BHCG	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β-hCG) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	4	
42	Hóa chất xét nghiệm BHCG	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β-hCG) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	6	
43	Chất kiểm chuẩn Free T4	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	4	
44	Hóa chất xét nghiệm Free T4	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	28	
45	Chất kiểm chuẩn HBSAB	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	4	
46	Chất kiểm chứng HBSAB	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	4	
47	Hóa chất xét nghiệm HBSAB	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	26	
48	Cống phản ứng	Cóng phản ứng.	Hộp/8x500 cái	Hộp	8	
49	Chất kiểm chứng miễn dịch	Mẫu chứng cho một số xét nghiệm miễn dịch.	Hộp/12x5mL	Hộp	4	
50	Chất kiểm chuẩn CA 125	Hoá chất chuẩn xét nghiệm để định lượng kháng nguyên được xác định bởi OC 125 trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
51	Chất kiểm chứng CA 125	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm định lượng kháng nguyên được xác định bởi OC 125 trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	1	
52	Hóa chất xét nghiệm CA 125	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên được xác định bởi OC 125 trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	1	
53	Chất kiểm chuẩn CA 15-3	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định lượng kháng nguyên được xác định bởi DF3 trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	1	
54	Chất kiểm chứng CA 15-3	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm định lượng kháng nguyên được xác định bởi DF3 trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x8mL	Hộp	1	
55	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên được xác định bởi DF3 trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	1	
56	Chất kiểm chuẩn CA 19-9	Hoá chất chuẩn xét nghiệm để định lượng chất xác định phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	1	
57	Chất kiểm chứng CA 19-9	Hoá chất chứng xét nghiệm để định lượng chất xác định phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương.	Hộp/3x8mL	Hộp	1	
58	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	Xét nghiệm để định lượng chất xác định phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương người.	Hộp/100 test	Hộp	1	
59	Chất kiểm chuẩn Cyfra 21-1	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong trong huyết thanh và huyết tương người.	Hộp/6x4mL	Hộp	1	
60	Chất kiểm chứng Cyfra 21-1	Hóa chất chứng xét nghiệm định lượng các mảnh cytokeratin 19 ở người trong mẫu huyết thanh và huyết tương người.	Hộp/3x8mL	Hộp	1	
61	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong mẫu huyết thanh và huyết tương người.	Hộp/100 test	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
62	Chất kiểm chuẩn Procalcitonin (PCT)	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x2 mL	Hộp	1	
63	Chất kiểm chứng Procalcitonin (PCT)	Hoá chất chứng xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x3 chai (3m	Hộp	1	
64	Hóa chất xét nghiệm Procalcitonin (PCT)	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	2	
65	Chất kiểm chuẩn HBeAg	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x4mL	Hộp	1	
66	Chất kiểm chứng HBeAg	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm định tính kháng nguyên e viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x8mL	Hộp	1	
67	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và định lượng kháng nguyên c viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	2	
68	Chất kiểm chuẩn Anti-HBc	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng kháng nguyên e của virus viêm gan B (anti-Hbc) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/1x4mL	Hộp	1	
69	Chất kiểm chứng Anti-HBc	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm định tính kháng thể kháng kháng nguyên c của virus viêm gan B (anti-Hbc) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/2x8mL	Hộp	1	
70	Hóa chất xét nghiệm Anti-HBc	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính kháng thể kháng kháng nguyên c của virus viêm gan B (anti-Hbc) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	1	
71	Chất kiểm chuẩn HIV	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/1x4mL	Hộp	1	
72	Chất kiểm chứng HIV	Hoá chất chứng xét nghiệm định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/4x8mL	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
73	Hóa chất xét nghiệm HIV	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	5	
74	Chất chuẩn Free T3	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/6x4mL	Hộp	3	
75	Hóa chất xét nghiệm Free T3	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương.	Hộp/100 test	Hộp	24	
Phần 2. Hóa chất cho máy xét nghiệm HbA1c tự động ADAMS ™ A1c HA-8180V công suất 40 test/giờ						
76	Chất chứng cho xét nghiệm HbA1c	Thuốc thử được thiết kế để sử dụng như một vật liệu quản lý chất lượng nhằm theo dõi độ chính xác và độ đúng của các phòng thí nghiệm sử dụng quy trình định lượng HbA1c.	LV1: 0,25ml x 4 LV2: 0,25ml x 4	Hộp	2	
77	Cột sắc ký cho xét nghiệm HbA1c/HPLC	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.	2500 test/Đơn vị/Hộp	Hộp	6	
78	Dung dịch pha loãng chất chứng	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c. Bộ hóa chất này hòa tan và pha loãng các chất đối chứng đông - khô có bán trên thị trường do nhà phân phối chỉ định, và pha loãng mẫu máu toàn phần.	250ml x 1 15ml x 1	Hộp	2	
79	Dung dịch sắc ký thứ 1	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.	600ml x 4/Hộp	Hộp	26	
80	Dung dịch sắc ký thứ 2	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.	600ml x 2/Hộp	Hộp	15	
81	Dung dịch sắc ký cho HbA1c biến thể	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.	600ml x 2/Hộp	Hộp	15	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
82	Dung dịch ly giải/ pha loãng hồng cầu cho xn HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống.	2000ml x 3/Hộp	Hộp	26	
83	Chất chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Sản phẩm dùng để hiệu chuẩn cho dòng máy xét nghiệm HbA1c.	Low: 3ml x 3 High: 3ml x 3 Diluent: 10ml x 3	Hộp	1	
Phần 3. Hóa chất cho máy xét nghiệm đông máu công suất 130 test PT/h						
84	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm thường quy	Huyết tương người bình thường và bất bình thường có citrated dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, aPTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin.	Hộp/12 x 2 x 2-ml	Hộp	10	
85	Hóa chất chạy APTT	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin từ mô não thỏ, dung dịch đệm kaolin.	Hộp/6 x 5-ml đông khô + 6 x 5-ml dung dịch đệm	Hộp	30	
86	Hóa chất rửa máy	Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động, thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước.	Thùng/6 x 2500-ml	Thùng	10	
87	Hóa chất rửa kim	Dung dịch rửa kim và khử nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động, chứa kali hydroxide nồng độ < 1 %. Hộp gồm 24 lọ x 15ml. Bền trên máy 5 -14 ngày trên tủy dòng máy phân tích	Hộp/24 x 15-ml	Hộp	20	
88	Hóa chất PT	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động đã hiệu chuẩn sẵn cho tất cả các lọ hóa chất của mỗi lô. - Thuốc thử 1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. - Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi.	Hộp/ 6 x 5-ml đông khô + 6 x 5-ml dung dịch đệm	Hộp	70	
89	Cóng đo mẫu có bi từ	Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong	Thùng/6 x 1000 cái	Thùng	5	
90	Hóa chất canxi	Dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh	Hộp/24 x 15-ml	Hộp	3	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
91	Que khuấy từ đỏ	Thanh khuấy từ màu đỏ dùng cho hóa chất xét nghiệm aPTT đóng gói 1 thanh/túi, màu đỏ	Gói/ 1 cái	Gói	2	
92	Que khuấy từ trắng	Thanh khuấy từ dùng cho hóa chất xét nghiệm PT, đóng gói 1 thanh/túi, màu trắng	Gói/ 1 cái	Gói	2	
Phần 4. Hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động 1 công suất 800 test / giờ						
93	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calci	dải đo: 1-5 mmol/L ; phương pháp: Arsenazo 3, bước sóng 660/700 nM.	Lọ ≥ 29ml	Lọ	6	
94	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	Lọ ≥ 5ml	Lọ	20	
95	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	Lọ ≥ 5ml	Lọ	20	
96	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Dải đo: 0–171 µmol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L	Bộ ≥ 1x20ml+1x20ml	Bộ	4	
97	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholessterol và LDL-Cholesterol (người)	Lọ ≥ 5ml	Lọ	20	
98	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na+), kali (K+) và clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương	Lọ ≥ 100ml	Lọ	3	
99	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin	dải đo: 0-513 µmol/L ; phương pháp: DPD	Bộ ≥ 1x40ml+1x40ml	Bộ	4	
100	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD	Bộ ≥ 1x50ml+1x12.5ml	Bộ	15	
101	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD	Lọ ≥ 45ml	Lọ	8	
102	Dung dịch rửa	Chứa chất vệ sinh	Bình ≥ 450ml	Bình	1	
103	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	Dải đo: 5-1200 U/L	Bộ ≥ 1x40ml+1x40ml	Bộ	10	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
104	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).	Lọ ≥ 3ml	Lọ	3	
105	Chất chuẩn huyết thanh mức cao dùng cho xét nghiệm điện giải	Thành phần bao gồm: Na+ ; K+ ; Cl-	Lọ ≥ 100ml	Lọ	3	
106	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour	Bộ ≥ 1x51.3ml+1x17.1 ml	Bộ	8	
107	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Dải đo: 89-1785 umol/L ; phương pháp: Uricase/POD	Bộ ≥ 1x42.3ml+1x17.7 ml	Bộ	10	
108	Dung dịch rửa hệ thống	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Can ≥ 5l	Can	6	
109	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	dải đo: 3-500U/L	Bộ ≥ 1x50ml+1x25ml	Bộ	32	
110	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	dải đo: 3-1000 U/L	Bộ ≥ 1x25ml+1x25ml	Bộ	30	
111	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	dải đo: 5-2200 µmol/L	Bộ ≥ 1x51ml+1x51ml	Bộ	40	
112	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	dải đo: 0.6-45 mmol/L	Bộ ≥ 1x53ml+1x27ml	Bộ	35	
113	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	dải đo: 0.05-4.65 mmol/L	Bộ ≥ 1x51.3ml+1x17.1 ml	Bộ	30	
114	Hóa chất đệm điện giải	Dung dịch đệm sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl-	Bình ≥ 2000ml	Bình	8	
115	Chất chuẩn chuẩn điện giải mức giữa	Thành phần bao gồm: Na+ ; K + ; Cl-	Bình ≥ 2000ml	Bình	15	
116	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	Lọ ≥ 5ml	Lọ	5	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
117	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen	dải đo: 0.8-50 mmol/L	Bộ ≥ 1x53ml+1x53ml	Bộ	14	
118	Ống dây bơm	Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm	Túi ≥ 1 Cái	Cái	6	
119	Bóng đèn Halogen 12V 20W	Bóng đèn Halogen 12V 20W	Hộp ≥ 1 Cái	Hộp	3	
120	Xilanh hút bệnh phẩm	Chất liệu bằng : thủy tinh, nhựa, kim loại , chiều dài : 8.8cm mục đích: dùng để hút bệnh phẩm với thể tích chính xác	Hộp ≥ 1 Cái	Hộp	1	
121	Xi lanh hóa chất	Chất liệu bằng : thủy tinh, nhựa, kim loại , chiều dài : 9cm mục đích: dùng để hút hóa chất với thể tích chính xác	Hộp ≥ 1 Chiếc	Hộp	4	
122	NA ELECTRODE	Màng ether crown. Tuổi thọ: 2 tháng hoặc 20,000 mẫu. Nếu kết quả Kiểm tra Hiệu chuẩn hoặc Chọn lọc đáp ứng thông số kỹ thuật, các điện cực có thể được sử dụng trong 6 tháng hoặc lên đến 40.000 mẫu sau khi mở	Hộp ≥ 1 Cái	Hộp	1	
123	K ELECTRODE	Màng ether crown. Tuổi thọ: 2 tháng hoặc 20,000 mẫu. Nếu kết quả Kiểm tra Hiệu chuẩn hoặc Chọn lọc đáp ứng thông số kỹ thuật, các điện cực có thể được sử dụng trong 6 tháng hoặc lên đến 40.000 mẫu sau khi mở.tuổi thọ: 40,000 hoặc 6 tháng tùy theo điều kiện nào đến trước	Hộp ≥ 1 Cái	Hộp	1	
124	CL ELECTRODE	Màng rắn (muối amoni loại 4). Tuổi thọ: 2 tháng hoặc 20,000 mẫu. Nếu kết quả Kiểm tra Hiệu chuẩn hoặc Chọn lọc đáp ứng thông số kỹ thuật, các điện cực có thể được sử dụng trong 6 tháng hoặc lên đến 40.000 mẫu sau khi mở.	Hộp ≥ 1 Cái	Hộp	1	
125	REF ELECTRODE	tuổi thọ: 150,000 hoặc 24 tháng tùy theo điều kiện nào đến trước	Hộp ≥ 1 Cái	Hộp	1	
126	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	dải đo: 15-60 g/L	Lọ ≥ 29ml	Lọ	4	
127	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α-Amylase	dải đo: 10-2000 U/L	Lọ ≥ 40ml	Lọ	4	
128	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH	dải đo: 25-1200 U/L	Bộ ≥ 1x40ml+1x20ml	Bộ	1	
129	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK	dải đo: 10-2000 U/L	Bộ ≥ 1x22ml+1x4ml+1x6ml	Bộ	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
130	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB	dải đo: 10-2000 U/L	Bộ ≥ 1x22ml+1x4ml+1x6ml	Bộ	1	
131	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme	Lọ ≥ 1ml	Lọ	1	
132	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
133	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Thành phần:Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
134	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2..Dạng dung dịch	Lọ ≥ 5ml	Lọ	9	
135	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2..Dạng dung dịch	Lọ ≥ 5ml	Lọ	9	
136	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2..Dạng dung dịch	Lọ ≥ 5ml	Lọ	4	
137	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL	Bộ ≥ 1x20ml+1x7ml	Bộ	64	
138	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ammoniac	Hóa chất dùng cho xét nghiệm NH3, dải đo 0-1180 µmol/L; có kèm chất chuẩn trong hộp	R1a:10x5ml,R1b:70ml,R2:1x1ml,CAL 5.5ml	Hộp	1	
139	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm ethanol và ammoniac level 1	"Chất kiểm chứng dùng để kiểm soát chất lượng của Xét nghiệm Ammonia và Alcohol theo dõi độ chính xác và phát hiện các sai số phân tích hệ thống trên các thiết bị sinh hóa lâm sàng.	Lọ ≥ 2ml	Lọ	12	
140	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm ethanol và ammoniac level 2	Chất kiểm chứng dùng để kiểm soát chất lượng của Xét nghiệm Ammonia và Alcohol theo dõi độ chính xác và phát hiện các sai số phân tích hệ thống trên các thiết bị sinh hóa lâm sàng.	Lọ ≥ 2ml	Lọ	12	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
141	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm ethanol và ammoniac level 3	Chất kiểm chứng dùng để kiểm soát chất lượng của Xét nghiệm Ammonia và Alcohol theo dõi độ chính xác và phát hiện các sai số phân tích hệ thống trên các thiết bị sinh hóa lâm sàng.	Lọ ≥ 2ml	Lọ	12	
142	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
143	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
144	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
145	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
146	Định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP siêu nhạy; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	Bộ ≥ 1x30ml+1x30ml	Bộ	2	
147	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
148	Định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	Bộ ≥ 1x32.6ml+1x4.4ml	Bộ	2	
149	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; Chất hiệu chuẩn 5 mức; Các giá trị hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo các nguyên liệu tham chiếu đã được chứng nhận IFCC (International Federation of Clinical Chemistry)	Lọ ≥ 2ml	Lọ	1	
150	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước bọt của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản và chất ổn định	Lọ ≥ 15ml	Lọ	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
151	Hóa chất dùng cho xét nghiệm D-3-Hydroxybutyrate	" Hóa chất dùng cho xét nghiệm D-3-Hydroxybutyrate, dải đo 0.1- 3.2 mmol/l, thành phần R1a.Buffer, R1b.Enzyme/Coenzyme , CAL.Standard "	Lọ ≥ 10ml	Lọ	2	
152	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa mức 2	Sản phẩm này được thiết kế để sử dụng chẩn đoán in vitro, trong kiểm soát chất lượng của các xét nghiệm chẩn đoán	Lọ ≥ 5ml	Lọ	1	
153	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa mức 3	Sản phẩm này được thiết kế để sử dụng chẩn đoán in vitro, trong kiểm soát chất lượng của các xét nghiệm chẩn đoán	Lọ ≥ 5ml	Lọ	1	
154	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Chất hiệu chuẩn trong xét nghiệm sinh hóa. Sản phẩm được dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và phản ứng thích hợp để hiệu chuẩn các máy xét nghiệm sinh hóa tự động.	Lọ ≥ 5ml	Lọ	1	
Phần 5. Hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động Monarch-600/1000 công suất 600/640 test/giờ						
155	Chất kiểm chứng chất lượng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất chuẩn chung sinh hóa mức 3 từ huyết thanh dạng đông khô gồm 40 thông số, các enzym: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK, yGT, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, TIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium	≥ 20x5ml	Hộp	3	
156	Nội kiểm Sinh hóa mức 2 (70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate)	Nội kiểm sinh hóa mức 2. Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô bao gồm 68 thông số.	≥ 20x5ml	Hộp	3	
157	Nội kiểm Sinh hóa mức 3 (70 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate).	Nội kiểm sinh hóa mức 3. Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô bao gồm 68 thông số.	≥ 20x5ml	Hộp	3	
158	Xét nghiệm ALT trong máu.	Xét nghiệm ALT trong máu.	R1 ≥ 5x60ml R2 ≥ 5x15ml (1875 test)	Hộp	42	
159	Xét nghiệm AST trong máu.	Xét nghiệm AST trong máu.	R1 ≥ 5x60ml R2 ≥ 5x15ml (1875 test)	Hộp	42	
160	Xét nghiệm Cholesterol trong máu.	Xét nghiệm Cholesterol trong máu. Độ tuyến tính 20mmol/l, Độ nhạy: 0.2mmol/l.	R1 ≥8x60ml (2400 test)	Hộp	28	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
161	Xét nghiệm Creatinin	Xét nghiệm Creatine phương pháp Enzymatic.	R1 ≥4x60ml, R2 ≥4x20ml (1600 Test)	Hộp	49	
162	Xét nghiệm GGT	Hoá chất xét nghiệm GGT trong máu.	R1 ≥ 5x60ml R2 ≥ 5x15ml (1875 test)	Hộp	7	
163	Xét nghiệm Glucose (phương pháp Hexokinase)	Hoá chất xét nghiệm Glucose máu.	R1 ≥ 5x60ml R2 ≥ 5x15ml (1875 test)	Hộp	33	
164	Chất hiệu chuẩn HbA1c	Hoá chất chuẩn HBA1C máu. Thành phần từ máu người cô đặc.	≥ 4x0.5ml	Hộp	3	
165	Chất chứng HbA1c 2 mức	Chất chứng HBA1C 2 mức. Thành phần từ máu người cô đặc.	≥ 2x0.5ml	Hộp	3	
166	HbA1c bằng phương pháp men trực tiếp kèm Hemolysis	Hoá chất xét nghiệm HBA1C.	R1 ≥ 1x60ml R2 ≥ 1x20ml Hemolysis: ≥ 2x90ml (400 test)	Hộp	64	
167	Xét nghiệm HDL - C	Hoá chất xét nghiệm HDL cholesterol trực tiếp.	R1 ≥4x60ml R2 ≥4x20ml (1600test)	Hộp	30	
168	Nước rửa máy hằng ngày	Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động.	≥ 2.000ml	Hộp	70	
169	Xét nghiệm Triglyceride	Xét nghiệm Triglyceride trong máu.	R1 ≥ 5x60ml R2 : ≥ 5x15ml (1875 test)	Hộp	28	
170	Xét nghiệm Ure	Xét nghiệm Urea trong máu.	R1 ≥ 5x60ml R2 ≥ 5x15ml (1875 test)	Hộp	27	
171	Xét nghiệm Axít Uric	Hoá chất xét nghiệm Acid uric trong máu.	R1 ≥5x60ml R2 ≥5x15ml (1875 test)	Hộp	17	
172	Xét nghiệm Protein toàn phần	Xét nghiệm Protein toàn phần trong máu.	R1 ≥4x60ml (1200 test)	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
173	Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trong máu.	R1 ≥4x40ml R2 ≥4x10ml (1000test)	Hộp	2	
174	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần trong máu.	R1 ≥4x40ml R2 ≥4x10ml (1000test)	Hộp	2	
175	Xét nghiệm RF	Hoá chất xét nghiệm RF.	R1 ≥4x40ml R2 ≥4x10ml Cal: ≥1x2ml (1000 test)	Hộp	1	
176	Chất chứng RF 2 mức	Chất chứng RF 2 mức, dạng lỏng từ huyết thanh.	Hộp ≥2x3ml	Hộp	1	
177	Thuốc thử nồng độ cồn Alcohol kèm chuẩn	Hoá chất xét nghiệm nồng độ Cồn trong máu.	R1 ≥2x30ml R2 ≥2x10ml Cal: 1x2ml; Control L1: ≥ 1x1ml; Control L2: ≥ 1x1ml (400test)	Hộp	2	
178	Chất hiệu chuẩn HDL/LDL	Chất chuẩn chung HDL/LDL cholesterol.	≥ 5x1ml	Hộp	2	
179	Xét nghiệm Glycated Albumin (GA)	Xét nghiệm Glycated Albumin trong huyết thanh.	GAR1:1x60ml GAR2:1x15ml Alb:2x38ml (375 test)	Hộp	1	
180	Xét nghiệm Lipase	Hoá chất xét nghiệm Lipase.	R1:2x10ml; R2:1x10ml (150 test)	Hộp	1	
181	Xét nghiệm định lượng testosterone	Xét nghiệm định lượng testosterone (Tes) trong máu.	2×100 Tests	Hộp	1	
182	Cuvette máy sinh hoá	Cuvette phản ứng được làm bằng nhựa quang học.	6x20 Giếng/Hộp	Hộp	4	
183	Bóng đèn máy sinh hoá	Bóng đèn halogen máy sinh hoá, thời gian sử dụng 2000 giờ	cái/Hộp	Hộp	4	
Phần 6. Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học tự động 1, công suất 70 test/giờ						

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
184	Dung dịch đo hemoglobin	Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu	Hộp ≥ 500 mL x 3	Hộp	20	
185	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy.	Thùng ≥ 20L x 1	Thùng	110	
186	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes.	Hộp ≥ 5L x 1	Hộp	30	
187	Chất chuẩn huyết học mức 1	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học.	≥ 3.0mL x 1 lọ	Lọ	10	
188	Chất chuẩn huyết học mức 2	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học.	≥ 3.0mL x 1 lọ	Lọ	10	
189	Chất chuẩn huyết học mức 3	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học.	≥ 3.0mL x 1 lọ	Lọ	10	
190	Dung dịch kiềm rửa máy huyết học	Công dụng: dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống	Hộp ≥ 4mlx20	Hộp	6	
191	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes	Hộp ≥ 42mlx2	Hộp	15	
Phần 7. Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học tự động Celldiff-580, công suất 80 test/giờ						
192	Dung dịch pha loãng	sử dụng để pha loãng mẫu để chuẩn bị phân tán tế bào trước khi phân tích tế bào máu.	≥ 20.000ml (750 test)	Hộp	136	
193	Dung dịch nhuộm huỳnh quang	Dung dịch sử dụng để nhuộm các tế bào máu nhằm quan sát hình dạng và cấu trúc để máy phân tích huyết học có thể thực hiện đếm tế bào máu.	Bịch ≥ 42ml (1300 Test)	Hộp	54	
194	Dung dịch bách phân bạch cầu	Dung dịch sử dụng để phá hủy tế bào máu (bách phân bạch cầu), hòa tan huyết sắc tố và duy trì hình thái của các tế bào cần phân tích để đếm sự khác biệt của tế bào.	Chai ≥ 1000ml (1440 Test)	Hộp	82	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
195	Dung dịch phá hồng cầu	Dung dịch sử dụng để phá hủy tế bào máu, hòa tan huyết sắc tố và duy trì hình thái của tế bào cần phân tích số lượng tế bào khác biệt hoặc xét nghiệm định lượng huyết sắc tố.	Chai ≥ 500ml (1300 test)	Hộp	70	
196	Dung dịch rửa máy	Được sử dụng để làm sạch cụm bể đếm RBC & WBC, kim, ống nhựa và van. Dung dịch đã sẵn sàng sử dụng, không tách chiết.	≥ 100ML	Hộp	6	
197	Dụng cụ dùng hỗ trợ pha loãng mẫu	Dụng cụ dùng hỗ trợ pha loãng mẫu cho máy huyết học từ nhựa và cao su. Lưu trữ nhiệt độ phòng.	Hộp 1x10; 1x400	Bộ	1	
Phần 8. Hóa chất cho máy xét nghiệm Ion đồ Electalyte-500, công suất 60 test/giờ						
198	Dung dịch rửa riêng, điện cực Na (NaF)	Dùng để kích hoạt điện cực Na và cải thiện độ nhạy và độ ổn định của điện cực.	≥ 100ml	Hộp	1	
199	Dung dịch chuẩn Ion đồ	Dùng làm bộ hiệu chuẩn thứ hai trong hiệu chuẩn hai điểm. Chất hiệu chuẩn được cung cấp sẵn sàng để sử dụng, không tách chiết.	≥ 100ml	Hộp	2	
200	Dung dịch rửa máy điện giải 5 thông số	Dung dịch rửa máy để ngăn protein tích tụ.	≥ 100ml	Hộp	1	
201	Dung dịch thuốc thử , điện giải thông số, Ca, Na ,K, Cl, PH	Dung dịch thuốc thử cho kết quả phân tích 5 thông số K, Na, Cl, Ca, pH, dùng làm dung dịch rửa và tiêu chuẩn điểm đơn. Gói thuốc thử được cung cấp sẵn sàng để sử dụng, không tách chiết.	≥ 1000ml (STDA ≥ 650ml, STDB ≥ 350ml)	Hộp	11	
202	Dung dịch nội, kiểm 5 thông số, Na, K, Cl, Ca, pH	Dung dịch nội kiểm dùng để kiểm tra hiệu suất của máy phân tích điện giải.	L1 ≥ 10x2ml L2 ≥ 10x2ml L3 ≥ 10x2ml	Hộp	2	
203	Dung dịch pha loãng, mẫu nước tiểu	Dung dịch pha loãng. Loại mẫu nước tiểu. Gói thuốc thử được cung cấp sẵn sàng để sử dụng, không tách chiết.	≥ 100ml	Hộp	1	
204	Dung dịch châm điện cực Canxi	Dung dịch châm điện cực Canxi, truyền điện thế màng của điện cực canxi sang điện cực bên trong Ag/AgCl và hiệu chuẩn điện thế điện cực canxi.	≥ 15ml	Hộp	1	
205	Dung dịch châm điện cực Kali.	Truyền điện thế màng của điện cực kali đến điện cực chì bên trong Ag/AgCl và hiệu chuẩn điện thế điện cực kali. Dung dịch châm cho điện cực Kali.	≥ 15ml	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
206	Dung dịch châm điện cực chung pH, Na, Cl	Chuyển điện thế màng của điện cực pH, Na, Cl sang điện cực lươn bên trong Ag/AgCl và hiệu chuẩn điện thế điện cực pH, Na, Cl. Dung dịch châm cho điện cực pH, Na, Cl.	≥ 15ml	Hộp	1	
207	Dung dịch châm điện cực tham chiếu Na+, K+, Cl-, Ca2+, pH	CTruyền điện thế màng tham chiếu cho điện cực bên trong Ag/AgCl và cung cấp điện thế tham chiếu không đổi để đo điện thế điện cực K+, Na+, Cl-, Ca2+, pH.	≥ 15ml	Hộp	1	
208	Điện cực Canxi	Dùng để đo nồng độ Canxi trong máy phân tích điện giải. Phù hợp với máy phân tích điện giải 5 thông số.	1 cái/Hộp	Hộp	1	
209	Điện cực Clo	Dùng để đo nồng độ Clo trong máy phân tích điện giải. Phù hợp với máy phân tích điện giải 5 thông số.	1 cái/Hộp	Hộp	1	
210	Điện cực Kali	Dùng để đo nồng độ Kali trong máy phân tích điện giải. Phù hợp với máy phân tích điện giải 5 thông số.	1 cái/Hộp	Hộp	1	
211	Điện cực Natri	Dùng để đo nồng độ Natri trong máy phân tích điện giải. Phù hợp với máy phân tích điện giải 5 thông số.	1 cái/Hộp	Hộp	1	
212	Điện cực pH	Dùng để đo nồng độ pH trong máy phân tích điện giải. Phù hợp với máy phân tích điện giải 5 thông số.	1 cái/Hộp	Hộp	1	
213	Điện cực chuẩn	Dùng để đo nồng độ tham chiếu trong máy phân tích điện giải. Phù hợp với máy phân tích điện giải 5 thông số.	1 cái/Hộp	Hộp	1	
Phần 9. Que thử nước tiểu 11 thông số Ursa-500, công suất ≥ 500 test/giờ						
214	Que thử phân, tích nước tiểu, (11 parameters)	Que thử nước tiểu 11 thông số để phân tích nước tiểu cả định tính và bán định lượng, các thông số bao gồm Urobilinogen, Bilirubin, Ketone (acetoacetic acid), Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, Specific Gravity, pH và Ascorbic Acid.	Hộp ≥ 100 Test	Hộp	600	
215	Chất kiểm chứng âm	Chất kiểm chứng âm sử dụng để kiểm soát chất lượng của que thử nước tiểu và máy phân tích. Có thể tiến hành kiểm soát chất lượng cho 13 mục của dải. Chất kiểm chứng đã sẵn sàng để sử dụng, không tách chiết.	4x8ml	Hộp	12	

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
216	Chất kiểm chứng dương	Chất kiểm chứng âm sử dụng để kiểm soát chất lượng của que thử nước tiểu và máy phân tích. Có thể tiến hành kiểm soát chất lượng cho 13 mục của dải. Chất kiểm chứng đã sẵn sàng để sử dụng, không tách chiết.	4x8ml	Hộp	12	
Phần 10. Que thử xét nghiệm đường huyết						
217	Đường huyết test nhanh	Que thử đường huyết 99,4% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10 mg/dL và 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 96,0% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10% và 99,8% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15% với Pp chuẩn ở nồng độ ≥100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L - Kết quả tương ứng với nồng độ đường trong huyết tương theo IFCC và được hiệu chuẩn với các giá trị tham chiếu thu được bằng phương pháp Hexokinase (phương pháp định lượng Glucose máu chính xác nhất hiện nay) - Công nghệ " không thẻ mã hóa" (không dùng code) - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 20-70% (đo ngoài), - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh). - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay - Thời gian đo 5-10 giây - Mẫu máu đo 1-2 µL, -Vùng nhận máu tự động thấm hút mẫu máu - Lấy máu trong hoặc lấy máu ngoài, thêm được giọt máu thứ hai trong vòng 10 giây nếu không đủ máu - Có chỉ thị màu khoảng nồng độ đường huyết trên lọ que thử - Sử dụng men thử không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose.	Hộp/ 2 lọ x 50 Que	Que	7100	

Tổng cộng : 217 khoản

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN 1

PHỤ LỤC 2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Gói thầu: " Mua sắm Vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm thông dụng năm 2024-2025"

(Đính kèm Thông báo số: 618 /TB-BV, ngày 06 tháng 05 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
Nhóm 1. TEST VÀ THUỐC THỬ						
1	Chương trình Ngoại kiểm Đông máu	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp với Chương trình ngoại kiểm riqas được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn	Hộp/ 6 x 1 ml	Hộp	8	
2	Chương trình Ngoại kiểm HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp với Chương trình ngoại kiểm riqas được triển khai tại các trung tâm kiểm chuẩn	Hộp/ 6 x 0.5 ml	Hộp	8	
3	Chương trình ngoại kiểm Miễn dịch	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp / 6 x 5 ml	Hộp	8	
4	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethnaol	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Có chu kỳ bắt đầu tháng 9 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp / 6 x 2 ml	Hộp	4	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
5	Latex PCR / CRP Direct Latex	Kiểm tra xác định protein phản ứng C trong mẫu huyết thanh bằng kỹ thuật ngưng kết latex. Đọc kết quả 3 phút _Hạt Latex được phủ IgG có nguồn gốc từ dê. Giới hạn phát hiện 6mg/L. _Độ nhạy: 99,94 %. Độ đặc hiệu: 99,91 %. Các chất không ảnh hưởng đến xét nghiệm : Hemoglobin (10g/L), bilirubin (20 mg/dL), lipemia(10 g/L) Thành phần : _lọ Latex reagent 5 mL - lọ chứng dương 0.5 mL - lọ chứng âm 0.5 mL - 1 Glass slide - 100 Disposable stirrers Bảo quản ở nhiệt độ từ + 2°C đến 8°C Tiêu chuẩn ISO.	100 test/ kit	Test	2,000	
6	Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vỏ HBeAg trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương.	Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vỏ HBeAg trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99.8% - Độ đặc hiệu: 99.9%	25 Test / Hộp	test	350	
7	Test chẩn đoán nhiễm siêu vi C trong huyết tương	* Giúp phát hiện định tính kháng thể kháng Vi rút viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh phần bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. *Độ nhạy > 99.6% - Độ đặc hiệu 99.1%.	50 test/hộp	Test	3,000	
8	Test nhanh Dengue Duo	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM và kháng nguyên NS1 kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4 trên mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. _ Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. _Độ nhạy 99,92 %, Độ đặc hiệu 99,93 % .	25 test/hộp	test	2,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
9	Test xét nghiệm nhanh 4 Drug (MOP - AMP - MET - THC)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: . + Morphine: 300 ng/ml. + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml. + THC: 50 ng/ml. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%	15 test/hộp	test	7,000	
10	Test xét nghiệm nhanh AMP	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Amphetamine (Ma túy tổng hợp) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: ≤ 1000 ng/ml. Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,6%	50 test/hộp	test	1,000	
11	Test xét nghiệm nhanh H.Pylori	* Phát hiện tất cả các loại kháng thể IgG, IgM, IgA kháng H.Pylori hỗ trợ chẩn đoán bệnh lý loét dạ dày, tá tràng. * Mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần (hàng device). * Độ nhạy: ≥ 99.5%. * Độ đặc hiệu: ≥ 99.2%	25 test/hộp	test	1,000	
12	Test xét nghiệm nhanh HEV IgG/IgM	Khay thử định tính IgG/IgM viêm gan E là xét nghiệm dựa trên phương pháp sắc ký miễn dịch để định tính nhanh chóng kháng thể (IgG/ IgM) với virus viêm gan E (HEV) có trong mẫu máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương. Chỉ dùng trong chẩn đoán in-vitro. Độ nhạy: ≥ 93,3%. Độ đặc hiệu: ≥ 98,6%. Độ chính xác: ≥ 97,9% Thành phần: Khay thử, ống nhỏ giọt, dung dịch đệm, túi chứa khay thử.	30 test/ hộp	test	800	
13	Test xét nghiệm nhanh HAV IgM	*Giúp chẩn đoán nhiễm siêu vi A trong huyết tương, huyết thanh người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. * Phân biệt được kháng thể IgM kháng virus siêu vi A. *Độ nhạy: ≥ 90.6% - Độ đặc hiệu: ≥ 97.6%.	25 test/hộp	test	500	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
14	Test xét nghiệm nhanh HBsAb	*Giúp xác định chẩn đoán nhiễm siêu vi B. Anti HBs phát hiện kháng thể bề mặt siêu vi B trong huyết tương hoặc huyết thanh bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. *Ngưỡng phát hiện 30mlU/ml. *Độ nhạy: ≥ 99% - Độ đặc hiệu: ≥ 99.4%.	50 test/hộp	test	400	
15	Test xét nghiệm nhanh HBsAg	*Giúp xác định chẩn đoán nhiễm siêu vi B. HBsAg phát hiện kháng nguyên bề mặt siêu vi B trong huyết tương hoặc huyết thanh bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. * không sử dụng dung dịch đệm. *Ngưỡng phát hiện: 5 ng/ml trong ≤ 15 phút. 1 ng/ml trong ≤ 30 phút. *Độ nhạy: ≥ 9.8% , Độ đặc hiệu ≥ 99.9 %.	50 test/hộp	test	8,000	
16	Test xét nghiệm nhanh HIV 1/2 3.0	Phát hiện đồng thời định tính và phân biệt tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1(IgG,IgM,IgA) bao gồm typ phụ O và HIV-2 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần bằng phương pháp thế hệ 3- Phương pháp kẹp Sandwich.Kháng nguyên bắt giữ: HIV-1(p 24, gp 41) HIV-2(gp 36). Được đánh giá và công nhận bởi Tổ chức Y tế thế giới (WHO). • Độ nhạy: 100%. • Độ đặc hiệu: ≥ 99,8%. Được ủy ban phòng chống AIDS khuyến cáo sử dụng.	30 test/hộp	test	9,000	
17	Test xét nghiệm nhanh MET	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Methamphetamine (Ma túy đá) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện ≤ 500 ng/ml. Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,6%	50 test/hộp	test	200	
18	Test xét nghiệm nhanh Morphine	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml. Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,6%	50 test/hộp	test	1,200	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
19	Test xét nghiệm nhanh Syphilis	*Được dùng với mục đích phát hiện định tính kháng thể IgG và IgM kháng T.Pallidum trợ giúp chẩn đoán bệnh Giang Mai trong huyết tương, huyết thanh hoặc máu toàn phần người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. *Độ nhạy ≥ 99.5% - Độ đặc hiệu : ≥ 99.8%.	50 test/hộp	test	1,900	
20	Test xét nghiệm nhanh THC	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện THC (Bồ đà) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 50 ng/ml. Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,6%	Hộp/50 test	test	200	
21	Xét nghiệm nhanh kháng thể IgG/IgM Dengue	Phát hiện kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1, 2, 3,, 4. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần. Độ nhạy ≥ 97,3%. Độ đặc hiệu: ≥ 98,1%	25 test/hộp	test	500	
22	hCG Pregnancy Rapid	Phát hiện định tính sự có mặt của hCG trong nước tiểu giúp cho việc chẩn đoán phát hiện thai sớm. Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. - Độ nhạy : 100%. - Độ đặc hiệu ≥ 99,5%. - Độ chính xác ≥ 99,75% - Ngưỡng phát hiện: 25mIU/ml. - Độ lặp lại: 100%. - Độ ổn định: 100% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	50 Test / Hộp	test	1,000	
23	Anti A	* Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu. * Anti A phát hiện Kháng nguyên A trong Hồng cầu và phát hiện Kháng thể B trong huyết tương.	10 ml/lọ	Lọ	52	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
24	Anti AB	* Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu.* Anti AB phát hiện kháng nguyên A và kháng nguyên B trong Hồng cầu. Kháng thể B, kháng thể A trong huyết tương.	10 ml/lọ	lọ	50	
25	Anti B	* Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu.* Anti B phát hiện Kháng nguyên B trong Hồng cầu và phát hiện Kháng thể A trong huyết tương.	10 ml/lọ	lọ	52	
26	Anti D	* Sử dụng phương pháp ngưng kết hệ ABO để định nhóm máu.* Anti D được tạo ra từ hỗn hợp kháng thể đơn dòng Anti D IgM và IgG của người. * Thuốc thử sẽ ngưng kết trực tiếp với phần lớn tế bào có Rh D (trừ DVI) và phần lớn kiểu hình Du (weak D). Thuốc thử sẽ kết dính với kiểu hình DVI và phần ít kiểu hình Du bằng những kỹ thuật antiglobulin gián tiếp.	10 ml/lọ	Lọ	42	
27	Clotest hoặc tương đương	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy	Hộp/20test	test	3,000	
28	Test nhanh phát hiện máu ẩn trong phân	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính máu ẩn trong phân người, Dạng strip Dịch chiết mẫu: khoảng 0,5 ml Ngưỡng phát hiện mức độ trong máu ẩn trong phân người của con người ở mức thấp nhất là 50 ng / mL hemoglobin hoặc khoảng 2µg hemoglobin / g	Hộp/50 test	Test	200	
Nhóm 2. VẬT TƯ TIÊU HAO						
29	Lam kính 7105	Lame 1 đầu mờ, kích thước 25,4 x 76x2mm ; dầy 1-1,2mm	Hộp/72 cái	Cái	7,200	
30	Lamelle 22x22	Lamelle 22 x 22, dùng đậy lame để soi kính hiển vi		Cái	1,000	
31	Dao chọc tiền phòng 15 độ	Các loại dao, lưỡi dao sử dụng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Hộp 6 cái	Cái	1,400	
32	Dao phẫu thuật mắt phaco 2,8mm (Cạnh mài ngang crosslape)	Dao mổ kích phaco các kích cỡ :2,8mm, Thép không rỉ đóng gói tiệt trùng từng đơn vị, có hộp cố định lưỡi dao.	Hộp 6 cái	Cái	1,400	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
33	Dịch nhầy 9G - GEL 2.0%	- Dung tích: 2ml. - Hàm lượng 2.0% Hydroxypropylmethyl cellulose 20mg (HPMC). - Độ nhớt: 4.000-5.000mPas - Trọng lượng phân tử: ≥ 88.000 Daltons - Độ thẩm thấu: 270-400mOsm/kg, - Độ pH: 6,8-7,5	Hộp/ 01 ống	ỐNG	1,500	
34	Kính Bảo Hộ (KT3)	Kính Bảo Hộ (KT3)		cái	1,600	
35	Air Way các 2,0,1	*Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn mềm giảm tổn thương * Làm bằng vật liệu PE. Mã hóa màu block theo size 0,1,2,3,4,5 * Tiệt trùng	1 cái /Gói	Cái	2,150	
36	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước khổ 12mm x 55m	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 12mm x 55m	42 Cuộn/ thùng	Cuộn	20	
37	Băng cuộn y tế	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước Quy cách: 0,09m x 2,5m, 8x10 sợi/cm2;đóng gói: 5 cuộn/ gói, Loại: không tiệt trùng	05 cuộn / gói	Cuộn	2,500	
38	Băng cuộn y tế 0,07mX2,5m	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước Quy cách: 0,07m x 2,5m, 8x10 sợi/cm2;đóng gói: 5 cuộn/ gói, Loại: không tiệt trùng	05 cuộn / gói	Cuộn	2,000	
39	Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ	Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Chứng nhận MD 92825 - BSI, CE.	Hộp 100 miếng	miếng	215,000	
40	Băng dính các loại, các cỡ	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng 80 g/m2. Keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m2, lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Chứng nhận MD 92825, CE.	Hộp 12 cuộn	Cuộn	4,080	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
41	Băng keo hấp ướt 19 mm x 50m	Tiệt trùng ở nhiệt độ 134 độ C,chuyển sang màu xanh lá đậm sau 3 phút, tiệt trùng ở 121 độ C chuyển sang màu xanh lá đậm sau 15 phút	Lốc/12 cuộn	cuộn	60	
42	Băng phim dính y tế trong suốt khổ 6x7cm (Dán mí)	Băng phim dính y tế trong suốt khổ 6x7cm (Dán mí)	Hộp/100 miếng	Miếng	3,600	
43	Băng dán 9cmx20cm			miéng	300	
44	Băng dán te tủy			miéng	2,000	
45	Băng dán 10cmx4.5m			cuộn	60	
46	Băng dán nội soi			miéng	1,200	
47	Bao bệnh phẩm nọi soi			cái	100	
48	Bao luồn dây đốt 10x220			cái	5,000	
49	Bàn chải rửa tay phẫu thuật			cái	100	
50	Gạc cầu Amidan	Gòn viên		gói	300	
51	Gạc dẫn lưu nọi soi 2x30x6			gói	100	
52	Gạc hấp tiệt trùng các loại			gói	20,000	
53	Gạc Urgotul 10x10			miếng	700	
54	Dẫn lưu Penrose			cái	300	
55	Bóng dẫn lưu 150ml	Silicone		cái	400	
56	Lọc khuẩn			cái	500	
57	Mặt nạ gây mê úp mask .thanh quản các số				120	
58	Mặt nạ gây mê mask các số				100	
59	Băng thun 2 móc không tiệt trùng	Nguyên liệu: sợi Polyester và sợi cao su, Quy cách: 0,075m x 4m, đóng gói: 1 cuộn/ gói	01 cuộn / gói	Cuộn	2,630	
60	Băng thun 3 móc không tiệt trùng	Nguyên liệu: sợi Polyester và sợi cao su, Quy cách: 0,1m x 3,5m, đóng gói: 1 cuộn/ gói	01 cuộn / gói	Cuộn	4,100	
61	Bao tóc phẫu thuật	Chất liệu: vải PP không dệt, Mềm mại, chắc chắn, không dễ rách khi sử dụng. Không gây kích ứng. Có kiểm định nguyên liệu không độc tố. Thun đôi 2 sợi chắc chắn, ôm khít vòng đầu. Thoáng khí, thoải mái Chiều dài nón khi kéo dãn 50-53cm Chiều rộng khổ vải: 50cm Tiệt trùng bằng khí EO, đảm bảo vô trùng. Đóng gói riêng từng cái	1 cái/ gói	Cái	44,300	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
62	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ[Dây oxy 2 nhánh người lớn dài 2m]	Làm bằng PVC trong , chuẩn y tế. Đã tiệt trùng Đầu mềm đầu tiêu chuẩn, đầu loe, kết hợp với ống oxy 2m/1,5m. (dài tổng thể 2m, phần chính 1,5m) Màu xanh lá cây/ màu trong. Ống nhựa chống nghiền. Kích thước: Người lớn, Trẻ em, Trẻ sơ sinh, Trẻ nhỏ. Đóng gói bằng túi PE	1 cái /Gói	Cái	3,150	
63	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Bơm tiêm insulin vô trùng sử dụng 1 lần, khoảng chết thấp tránh lãng phí thuố và đảm bảo liều lượng chính xác. Cấu tạo gồm Xilanh, pittong, nắp bảo vệ kim, nắp dưới đáy: vật liệu Polypropylen y tế, không độc hại, tương thích các loại thuốc để phân phối thuốc Kim Super-fine 30G x 5/16" phủ silicone để giảm thiểu đau Vòng đệm cao su tự nhiên trơ về mặt hóa học Thang đô độ phân giải có sẵn với các phiên bản U-40 (1ml) và U-100 (1ml, 0.3ml, 0.5ml) Ống tiêm insulin được đóng gói trong màng nhựa/ vỉ đóng gói 2 lớp Tiêu chuẩn ISO, CE	1 cái /Gói	Cái	300,000	
64	Bơm tiêm không kim vô trùng sử dụng một lần 50ml/cc	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml .píttông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/25	Cái	1,300	
65	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 10ml, cỡ kim 23Gx1",25Gx1", Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml. Píttông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/100	Cái	38,100	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
66	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", 25Gx5/8". Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng, Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt	Hộp/100	Cái	1,300	
67	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, cỡ kim 23Gx1", có nắp đậy,Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc..Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt	Hộp/50	Cái	7,500	
68	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 3ml, cỡ kim 23Gx1",25Gx1", 25Gx5/8", píttông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/100	Cái	40,000	
69	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml, cỡ kim 23Gx1",25Gx1", 25Gx5/8", có nắp đậy, píttông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/100	Cái	149,300	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
70	Bông mỡ y tế 0.15 x 2 m	Bông không hút nước Nguyên liệu: bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ.bông được quấn lại thành cuộn bông được quấn lại thành cuộnQuy cách: 0,15m x 2m Quy cách đóng gói: 06 cuộn/ gói	06 cuộn / gói	cuộn	400	
71	Bông y tế 1kg	Bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt, Không mùi, Bông có màu trắng.	01 kg / gói	kg	300	
72	Chỉ thép số 7			Sợi	100	
73	Chỉ khau tan chậm 3/0			Sợi	20	
74	Chỉ khau tan chậm 4/0			Sợi	300	
75	Chỉ Rapid 3/0			Tép	200	
76	Chỉ Rapid 4/0			Tép	200	
77	Chỉ Rapid 5/0			Tép	500	
78	Chỉ Polypropylen 1/0			Tép	50	
79	Chỉ Polypropylen 2/0			Tép	10	
80	Chỉ Polypropylen 3/0			Tép	10	
81	Chỉ Polypropylen 4/0			Tép	10	
82	Chỉ Polypropylen 7/0			Tép	40	
83	Chỉ Polypropylen 8/0			Tép	10	
84	Chỉ Polyglactin 910 số 0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn, thân kim có rãnh, dài 26 mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căn của chỉ: 2.433kgF; 23.84N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA		Tép	300	
85	Chỉ Polyglactin 910 số 1/0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn, thân kim có rãnh, dài 26 mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căn của chỉ: 2.433kgF; 23.84N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA		Tép	2,500	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
86	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn, thân kim có rãnh, dài 26 mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căn của chỉ: 2.433kgF; 23.84N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA		Tép	4,000	
87	Chỉ Polyglactin 910 số 3/0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn, thân kim có rãnh, dài 26 mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căn của chỉ: 2.433kgF; 23.84N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA	H/ 36 tép	Tép	1,800	
88	Chỉ Polyglactin 910 số 4/0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, dài 20 mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căng của chỉ: 1.519kgF; 14.88N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA	H/ 36 tép	Tép	2,300	
89	Chỉ Polyglactin 910 số 5/0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin, được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 5/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn, kim dài 17mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căng của chỉ: 0.869kgF; 8.51N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA	H/ 36 tép	Tép	120	
90	Chỉ Polyglactin 910 số 8/0 kim tròn	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu tròn, thân kim có rãnh, dài 26 mm, đường kính kim 1/2 đường tròn. Lực căn của chỉ: 2.433kgF; 23.84N Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA	H/ 36 tép	Tép	50	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
91	Chỉ phẫu thuật tự tiêu liền kim Bijou 6-0 kim 29G dài 38mm (Mono)	Chỉ được thiết kế sẵn trong kim, bao gói chắc chắn, vô khuẩn. Chỉ tự tiêu từ 1-2 tháng. Chất liệu chỉ polydioxanone. Độ lớn kim: 29G Độ dài kim: 38mm Độ dài chỉ: 50mm Kích cỡ chỉ: 6-0 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE	20 sợi/ túi	Sợi	1,400	
92	Chỉ phẫu thuậttự tiêu liền kim Bijou 6-0 kim 30G dài 25mm	Chỉ được thiết kế sẵn trong kim, bao gói chắc chắn, vô khuẩn. Chỉ tự tiêu từ 1-2 tháng. Chất liệu chỉ polydioxanone. Độ lớn kim: 30G Độ dài kim: 25mm Độ dài chỉ: 30mm Kích cỡ chỉ: 6-0 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE	20 sợi/ túi	Sợi	1,500	
93	Chỉ phẫu thuật tự tiêu liền kim Bijou 6-0 kim 30G dài 12mm	Chỉ được thiết kế sẵn trong kim, bao gói chắc chắn, vô khuẩn. Chỉ tự tiêu từ 1-2 tháng. Chất liệu chỉ polydioxanone. Độ lớn kim: 30G Độ dài kim: 12mm Độ dài chỉ: 12mm Kích cỡ chỉ: 6-0 Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE	20 sợi/ túi	Sợi	400	
94	Chỉ Nylon 1/0, kim tam giác 26 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 2/0, dài 75cm,màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 26mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	300	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
95	Chỉ Nylon 2/0, kim tam giác 26 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 2/0, dài 75cm,màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 26mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	4,300	
96	Chỉ Nylon 2/0, kim tròn 26 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 2/0, dài 75cm,màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tròn, dài 26mm, cong 1/2C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	100	
97	Chỉ Nylon 3/0, kim tam giác 20 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 3/0, dài 75cm, màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 20mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	8,700	
98	Chỉ Nylon 3/0, kim tròn 26mm	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 3/0, dài 75cm, màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tròn, dài 26mm, cong 1/2 tròn, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	250	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
99	Chỉ Nylon 4/0, kim tam giác 18 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 4/0, dài 75cm, màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 18mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	4,870	
100	Chỉ Nylon 4/0, kim tròn 16mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 4/0, dài 80cm, màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tròn, dài 16mm, cong 3/8 tròn, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	100	
101	Chỉ Nylon 5/0, kim tam giác 16 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon ARES - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 5/0, dài 75cm, màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 16mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	3,650	
102	Chỉ nylon 6/0 kim tam giác			Tép	200	
103	Chỉ nylon 7/0 kim tam giác			Tép	20	
104	Chỉ nylon 10/0 kim tam giác			Tép	10	
105	Chỉ Silk 2/0 không kim			Tép	200	
106	Chỉ Silk 2/0, kim tam giác 24 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 2/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 24mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	150	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
107	Chỉ Silk 2/0, kim tròn 26 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 2/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tròn, dài 26mm, cong 1/2C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	500	
108	Chỉ Silk 3/0, kim tròn 26 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 3/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tròn, dài 26mm, cong 1/2C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	450	
109	Chỉ Silk 3/0, kim tam giác 26 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 3/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 26mm, cong 1/2C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	300	
110	Chỉ Silk 4/0, kim tam giác 18 mm	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 4/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 18mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	450	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
111	Chỉ Silk 4/0, kim tròn 26mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 4/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tròn, dài 26mm, cong 1/2C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	200	
112	Chỉ Silk 5/0, kim tam giác 16 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk ARES - 1 kim, đa sợi, chất liệu protein hữu cơ (fibroin). Đường kính 5/0, dài 75cm, phủ silicon (wax), màu đen. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại tráng gương, đầu tam giác, dài 16mm, cong 3/8C, thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	50	
113	Chỉ Silk 5/0, kim tròn 16 mm.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính chỉ 5/0, dài 75cm, màu đen, phủ wax/silicon Kim làm bằng Thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420), kim Premium, công nghệ U-filo, phủ silicon. Kim đầu tròn, dài 16mm, cong 3/8C. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde.	H/ 24 tép	Tép	50	
114	Chỉ tan chậm tự nhiên số 0, không kim.		Hộp /30 tép	Tép	150	
115	Chỉ tan chậm tự nhiên 1/0, kim tròn.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 1/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	100	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
116	Chỉ tan chậm tự nhiên 2/0, kim tam giác 26 mm.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 2/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tam giác 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	210	
117	Chỉ tan chậm tự nhiên 2/0, kim tròn 26 mm.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 2/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	600	
118	Chỉ tan chậm tự nhiên 3/0, kim tam giác 26 mm.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 3/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tam giác 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	150	
119	Chỉ tan chậm tự nhiên 3/0, kim tròn 26 mm.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 3/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	470	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
120	Chỉ tan chậm tự nhiên 4/0, kim tam giác 16 mm.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm, đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 4/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tam giác 3/8c, dài 16mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	230	
121	Chỉ tan chậm tự nhiên 4/0, kim tròn 26 mm.	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm, đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 4/0, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	200	
122	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, kim tròn 40 mm	chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm đơn sợi bằng Collagen tinh khiết, màu nâu, số 1, dài 75cm. Chỉ giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Kim tròn 1/2c, dài 40mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO	Hộp /30 tép	Tép	60	
123	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, dài 37 cm, 2 kim tam giác, dài 12mm (C20EE12L37)	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, dài 37 cm, 2 kim tam giác, dài 12mm	Hộp /30 tép	Tép	60	
124	Đầu col vàng không khía	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu vàng. Đặc điểm: không khía Kích thước: 0-200ul	1000 cái/ gói	Cái	18,000	
125	Đầu col xanh không khía	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu xanh Đặc điểm: Không khía, Độ cone ôm kín đầu cây micropipet. Kích cỡ: dung tích 0-1000 µl	1000 cái/ gói	Cái	18,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
126	Đầu chuyên nạo VA	- Đầu chuyên nạo VA dùng cho máy Coblator II. - Cấu tạo điện cực dạng lưới tạo trường plasma rộng nên có thể cắt bỏ mô nhanh hơn., tăng khả năng hút giúp loại bỏ mô vụn và l[kp[chất lỗng , giãm nguy cơ tắc nghẽn.Bộ đầu vô khuẩn được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính.'"	1 cái / hộp	Cái	25	
127	Đầu dùng cho đốt cuống mũi (người lớn)	- Đầu đốt cuống mũi dùng cho máy Coblator II. - Thiết kế không có đường nước . - Đầu dày hơn , đầu cùn ,có chia 3 vạch màu xám như một thước đo để định độ sâu của việc đưa vào trong cuống mũi. Mỗi vạch có độ lớn là 5mm, vạch đầu tiên ở vị trí 15mm tính từ đầu của đầu cắt, vạch cuối ở vị trí 30mm.	1 cái / hộp	Cái	5	
128	Đầu dùng cho mổ amidan và nạo VA	- Đầu mổ amiđan và nạo VA dùng cho máy Coblator II . - Thẳng có thể uốn cong, chiều dài làm việc là 6 inches (chưa kể phần tay cầm) - Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút - Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút. - Bộ đầu vô khuẩn được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch và dây dẫn nối với máy chính .	1 cái / hộp	Cái	10	
129	Đầu cắt đốt dùng cho mổ xoang	Đầu Procise EZ dùng cho máy Coblator II. Mổ polyp, u mạch máu, có thể sử dụng nạo VA nhỏ. -Đầu cắt cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút.	1 cái / hộp	Cái	10	
130	Dây cánh bướm vô trùng sử dụng một lần 23Gx3/4", 25Gx3/4"	Dây được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 23Gx3/4", 25Gx3/4" . Mũi kim sắc bén. Đế dây lắp vừa dây truyền dịch và bơm tiêm. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/50	Cái	1,200	
131	Dây Garo	Đặc điểm: Dây có độ co giãn tốt, Băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc, dễ thao tác. Có thể sử dụng lại nhiều lần.	10 sợi gói	Sợi	450	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
132	Dây Hút nhớt có Khóa các số	Làm từ nhựa PVC mềm không độc hại, không gây kích ứng Đầu ống có 2 lỗ vát Loại đầu nối: Đầu nối có khóa kiểm soát dạng hình nón , được mã hóa theo kích thước Loại không cản quang Co nối dài 4,5cm Chiều dài ống tiêu chuẩn: 50 cm	600 sợi/ Thùng	Sợi	2,100	
133	Dây hút dịch MPV			sợi	6,000	
134	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector.Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. Thể tích mồi dịch: 2.1ml. Đường kính trong: 1mm, đường kính ngoài: 2.8mm, không có chất DEHP. Sản phẩm tiệt trùng 100%.	1 sợi/ Gói	Sợi	500	
135	Dây truyền dịch vô trùng sử dụng một lần 20 giọt/ml , kim các cỡ	Dây dẫn được làm bằng nhựa PVC nguyên sinh, Bộ điều kiển chỉnh giọt và kim xuyên qua chai được làm từ nhựa ABS, không có chất DEHP. Gắn kim các loại . Bầu nhỏ giọt có màng lọc dịch và van khí có màng lọc khí, thể tích ≥ 8,5ml. Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. , không độc tố, không chất gây sốt	1 sợi/ túi	Sợi	25,350	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
136	Dây truyền máu	Sử dụng để truyền máu hoặc các thành phần của máu. Sử dụng ≤ 3 ngày - Vật liệu: PVC không chứa DEHP, PP, ABS, Latex/ Isoprene - Buồng nhỏ giọt hình trụ, mềm, linh hoạt, trong suốt. 20 giọt/ml. Tốc độ dòng ≥1000ml/10ph -Bộ lọc chất lỏng ở dưới cùng của buồng nhỏ giọt lọc bất kỳ hạt vật chất trong máu. Kích thước hạt lọc 150-200micro - Ống dây siêu mịn, mềm, không xoắn chiều dài ≥1500mm - Buồng chứa máu cao su tự động đóng - Khóa luer cố định kết nối an toàn với các thiết bị tiêu chuẩn - Có cổng Y tiêm thuốc - Có kim 18G - Sử dụng 1 lần, đóng gói tiệt trùng	Sợi/ Gói	Sợi	600	
137	Điện cực trung tính			miếng	300	
138	Điện cực ECG	Miếng dán điện cực tim người lớn kích cỡ 45 x 42mm. Đóng gói dải kép với 2 hàng 5 điện cực được nhân đôi lý tưởng để kiểm tra điện tâm đồ 12 kênh Cảm biến được phủ lớp Ag/ AgCl	Gói /50 miếng	miếng	20,500	
139	Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm x 4 lớp	Gạc dẫn lưu 1cm x 200cm x 4 lớp được làm từ vải không dệt thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), để thấm hút dịch vết thương, không mùi, đã tiệt trùng bằng khí EO.	05 miếng / gói	Miếng	6,000	
140	Bông mở 0.1x2m			cuộn	300	
141	Gạc Hút	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước , Khổ: 0,8 mét; Loại gạc: 7x8 sợi/ cm2 (mật độ sợi thưa); Loại: Không tiệt trùng.		Mét	58,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
142	Gel bôi rơn	Thành phần : Deionized water, Natural Glycerin, Monopropylen Glycol, Hydroxy Ethyl Cellulose, Methyl Hydroxybenzoate, Citric Acid	hộp/1 tuýp, Tube/82gr	Tuýp	150	
143	Gel siêu âm	Thành phần : Hydro Ethyl Cellulo 2%,Carbomer 1%, Nipagin 0,2%, Nipasol 0,02%, PEG 1%, Glycerin 0,5% , nước tinh khiết. Gel trong, đồng chất.Tan hoàn toàn trong nước. Không gây kích ứng da.	Can/5 lít	can	70	
144	Giấy siêu âm UPP 110S	Giấy siêu âm trắng, đen		Cuộn	40	
145	Giấy điện tim 80x20	Kích thước 80mmx20m (Sọc caro đỏ- Mặt in bên ngoài R3)	Thùng/120 cuộn	cuộn	1,120	
146	Giấy in nhiệt 57*30	Giấy in nhiệt 57*30		cuộn	300	
147	Giấy y tế 40x25/40x50	Kích thước: 40x25cm/40x50cm Giấy màu trắng, định lượng 1 lớp 35gr/m2 Thời gian hấp thu 0,1ml nước không lớn hơn 5 giây. Độ bền kéo đứt dọc không nhỏ hơn 220N/m. Độ bền kéo đứt ngang không nhỏ hơn 110N/m. Độ ẩm 7%. Đặc điểm: Thấm hút, không gây kích ứng, không có mùi mốc hay khó chịu, không gây ảnh hưởng sức khỏe cho người sử dụng. Dùng làm khăn choàng trong nha khoa...	Thùng/20 kg	Kg	1,800	
148	Hộp đựng vật sắc nhọn Y tế 1,5L	Bằng nhựa PE, màu vàng, dạng hình hộp đáy vuông (dài 99, rộng 99, cao 192mm), nắp đỏ	Bao./50cái	cái	124	
149	Hộp đựng vật sắc nhọn Y tế 6,8L	Bằng nhựa PE, màu vàng, dài 227, rộng 136, cao 297mm, nắp đỏ	Bao/25 cái	Cái	420	
150	Bao camera nội soi	Bao camera nội soi		Cái	500	
151	Bao cao su	Chất liệu cao su thiên nhiên, tiệt trùng , không bị rách khi sử dụng có độ đàn hồi tốt, không gây dị ứng		Cái	4,000	
152	Bao vải	Bao vải 52 x 15cm (±0,5cm) có miếng dán gai để cố định bắp tay		Cái	50	
153	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai T380 hoặc tương đương		Cái	200	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
154	Ống hút điều hòa tiệt trùng các cỡ	Chất liệu: nhựa PE chính phẩm. Kích thước: các số 4, 5, 6 Tiệt trùng từng cái		Cái	600	
155	Giấy sản khoa	Giấy sản khoa 152x150x200		Xấp	20	
156	Huyết áp kế - Dụng cụ đo huyết áp	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg. Độ chính xác ± 3mmHg. Hệ thống ống dẫn khí, bao gồm bao vải + quả bóp có van	Hộp/ cái	Cái	30	
157	Khẩu Trang y tế 3 lớp	Chất liệu: vải PP không dệt có lớp lọc Đặc điểm: 3 lớp * Lớp 1 - lớp trong thấm nước (tiếp xúc với da mặt), tạo sự thoải mái cho người sử dụng: Vải không dệt PP Spunbond trắng * Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond xanh * Lớp giữa: lớp giấy lọc có Hiệu suất lọc khuẩn (Bacterial Filtration Efficiency - BFE): ≥ 99% - Thanh nẹp mũi: bằng nhựa PP định hình . - Kích thước 90 x 175mm, thoải mái cho người sử dụng - Dây thun mềm, đàn hồi tốt. - Hiệu suất lọc khuẩn (Bacterial Filtration Efficiency - BFE): ≥ 99% - Tiệt trùng bằng khí EO, đảm bảo vô trùng. Đóng gói rời từng cái.	1 cái/gói	Cái	217,400	
158	Khóa 3 ngã có dây 25 cm	Chiều dài dây :25cm Các bộ phận của khóa 3 chạc: Thân khóa (nhựa PC); Nắp vặn (nhựa ABS) Cách sử dụng : kết nối với Bộ truyền dịch , Mở rộng ống truyền dịch, được trang bị khóa Luer ngoài ở 1 đầu để kết nối an toàn, chăc chắn và khóa 3 chiều ở đầu kia. Khủ trùng bằng EO	1 cái /Gói	Cái	5,650	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
159	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Thân kim và mũi kim làm từ thép không gỉ 06Cr19Ni10, đều màu. Thân kim phủ màu trắng bạc, bề mặt nhẵn Ra≤0,63μm. Mũi kim tròn đều không cong vênh. Đốc kim được cuốn từ sợi thép không gỉ 204, vòng xoắn ốc đều, không gờ ráp. Độ kiên cố ≥15N. Cường độ 0,5N, lực châm ≤0,8N. Độ cứng: 460≤ HV0,2kg ≥ 650. Đường kính thân kim 0,3mm. Chiều dài thân kim: 13mm, 25mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 75mm. Đường kính đốc kim: 1,2mm. Chiều dài đốc kim: 30mm. Tiệt trùng. Đóng gói: 10 cây/gói	Hộp/10 gói/100 cây	Cây	350,000	
160	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ[Kim luồn tĩnh mạch số 18G; 20G; 22G; 24G]	Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, có 3 đường cản quang, ống thông FEP, buồng chặn có filter lọc khuẩn PTFE. Kích cỡ kim từ 14G->27G (tối thiểu có các cỡ 18,20,22,24) - Kim phủ Silicone, 3 góc vát, độ dày đầu nhọn ≤ 0.05mm. - Khoảng cách giữa đầu ống thông và đầu vát của kim ≤ 1mm. - Thân kim làm từ Styrene-butadience, trong suốt, cho phép phát hiện máu chảy ngược vào thân.Thân kim kết thúc ở đầu nối lỗ hình côn có độ côn 6% có nút chặn - Thời gian lưu kim : 96 giờ - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.	1 cây/ Gói	Cây	12,000	
161	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần kim các cỡ	Kim rút thuốc, rút máu. Sử dụng một lần, kim sắc nhọn làm bằng thép không gỉ, vát 3 cạnh có nắp đậy, cỡ kim 18Gx1 1/2"; 20Gx1 1/2"; 22Gx 1 1/2"; 23Gx1"; 25Gx1"; 25Gx5/8"; 26Gx1/2; đốc kim và vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố DEHP, không chất gây sốt. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Hộp/100	Cái	6,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
162	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	**Chất liệu**: Lọ nhựa PS trắng trong. Nắp bằng nhựa PE. Thân bằng nhựa PS. Có nhãn màu trắng, nắp nhựa màu đỏ, không có gá (muỗng). Dung tích 50ml, tối đa 55ml. Đóng gói: 100 lọ/Bịch Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.	100 Lọ/ Bịch	Lọ	50,500	
163	Lưỡi dao mổ các số 10; 11; 12; 15	Bằng thép carbon không gỉ. Mỗi lưỡi dao được đóng gói trong lớp giấy bạc chống gỉ. Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma.	Hộp/100 cái	Hộp	9,800	
164	Ly nha	Nhựa PP, trong suốt Thể tích: 180ml Đóng gói: 50 Cái/ gói	50 cái/gói	Cái	39,100	
165	Ống xông mũi/Họng thủy tinh	Ống xông mũi/Họng thủy tinh		cái	600	
166	Miếng xốp cầm máu tự tiêu	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bọt xốp màu trắng tiệt trùng, kích thước 7x5x1cm. Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần	Hộp/20 miếng	Miếng	100	
167	Nút chặn kim luồn có cổng tiêm Instopper	Nút chặn kim luồn khi không sử dụng Tích hợp van 1 chiều tại cổng tiêm cho phép đưa thuốc vào ống thông mà không cần vặn	250 cái/ Hộp	Cái	4,600	
168	Ống nghe kiểm tra huyết áp	Thiết kế mặt nghe : 2 mặt.Chuông & màng chắn, loại hai chiều có độ nhạy âm cao. Càng ống nghe làm bằng chất liệu Aluminum. Dây dẫn có thiết kế chữ Y: nhựa P.V.C.	Hộp/ cái	cái	30	
169	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml nắp xanh lá, mous thấp	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu xanh lá * Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% , có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.	100 ống/khay	Ống	10,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
170	Ống nghiệm có nắp 5ml	* Kích thước 13x75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), nhựa PS trắng trong, nắp nhựa ấn trong màu trắng, dung tích tối đa 6ml. * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao.	500 ống/ bịch	Ống	25,000	
171	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp xanh dương, mous thấp	`*Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml , nắp nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2), có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	100 ống/khay	Cái	10,000	
172	Ống nghiệm EDTA K2 nắp cao su bọc nhựa	*Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.	2,400 ống/ Thùng	Ống	100,000	
173	Ống nghiệm Heparin lithium	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu đen Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.	100 ống/khay	Cái	96,000	
174	Ống nghiệm không nắp 5ml	*Kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), nhựa PS trắng trong, không nắp, không nhãn, dung tích tối đa 6 ml. * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao.	500 ống/ bịch	Ống	3,000	
175	Ống Nghiệm Lưu Mẫu Huyết Thanh 1.5ml Nắp Trắng	* Ống nghiệm nhựa PP, độ pH trung tính. * Thể tích 1.5 ml, thân ống có chia vạch chỉ thể tích.	1.000 ống/ bịch	Ống	22,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
176	Ống nghiệm Serum hạt to nắp đỏ	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu đỏ. * Bên trong chứa hạt nhựa PS (Polystyrene), giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.	2,500 ống/ Thùng	Ống	20,000	
177	Lọ nhựa đựng phân không có chất bảo quản	* Lọ nhựa PS trắng trong,dung tích 50 ml. Có nhãn màu trắng, nắp nhựa có gắn muỗng, không có chất bảo quản.	100 Lọ/ Bịch	Lọ	1,600	
178	Ống thông nội khí quản có bóng các số 2,5 - 8,5	*Chất liệu: PVC y tế nhạy nhiệt, không độc hại, không gây kích ứng. * Bề mặt bên trong/ ngoài thân ống trơn, không bám dính giúp dễ dàng đặt ống, rút và hút ống. Chống xoắn. Dùng được cho cả đường miệng và đường mũi. Có đường cản quang và vạch đánh dấu trên ống dễ dàng xác định vị trí chèn * Đầu típ vát 38 độ mềm mịn, Lỗ Murphy bóng mịn, bóng thon dần giảm thiểu tổn thương khi đặt và rút ống. * Co nối tiêu chuẩn 15mm * Các cỡ: ID từ 3mm đến 9mm, OD từ 4.2mm đến 12.3mm, chiều dài tối thiểu từ 140mm đến 320mm * Sử dụng 1 lần, vô trùng ETO, không pyrogenic, không phthalate	Cái/ Gói	Cái	3,100	
179	Ống thông tiểu các số	Làm từ cao su thiên nhiên Tráng phủ silicon Van nhựa hoặc van cao su Màu được mã hóa để xác định kích thước Fr 06 đến Fr 10: Chiều dài (270mm), Dung tích bóng (3cc / 5cc) Fr 12 đến Fr 22: Chiều dài (400mm), Dung tích bóng (10cc / 30cc) Fr 24 đến Fr 26: Chiều dài (400mm), Dung tích bóng (10cc / 30cc)	10 sợi/ Hộp	Sợi	1,600	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
180	Ống nẩng máy thở			cái	2,000	
181	Ống nối Catheter Mount			cái	2,000	
182	Sonde Rectal 28			cái	20	
183	Sonde JJ			Sợi	5	
184	Túi tiểu			cái	1,500	
185	Que đè lưỡi gỗ	Chất liệu: Gỗ thông xử lý. Đặc điểm: cây có dạng thanh dẹp, có màu ngà hơi vàng là màu tự nhiên của xác mộc, không cho phép có mùi lạ hay mùi ố bẩn, các góc cạnh trơn láng. Có mùi của tinh dầu thông tự nhiên Kích thước: 2x20x150mm Đặc điểm: Trơn láng, không bén cạnh.	Hộp/100 cái	Cái	25,000	
186	Que gòn xét nghiệm	Thân que bằng nhựa, một đầu gòn nhỏ 3mm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, đã được loại bỏ chất béo và được tẩy trắng. Tốc độ hút nước ≤10 giây , pH 5,0÷8,0.Đã tiệt trùng .	Goi/100 Cái	que	3,000	
187	Que phết tế bào âm đạo	Bằng nhựa thông đã trích nhựa, cây có dạng thanh dẹp, màu ngà hơi vàng là màu tự nhiên của xác mộc, các góc cạnh trơn láng. Kích thước 180x18x2mm	Hộp/100 cái	Cái	1,000	
188	Sample cup lớn	Chất liệu nhựa trong, không phản ứng với mẫu và hoá chất bên trong, phù hợp với loại may đang sử dụng	500 cái / bịch	Ống	17,000	
189	Sonde dạ dày	Ống thông dạ dày làm bằng vật liệu PVC y tế, không độc hại. Thiết kế Đầu xa hình côn với 4 lỗ dẫn lưu để thoát nước hiệu quả.Kết nối đầu xa hình phễu mã hóa màu theo size . Vạch đánh dấu ở 45, 55, 65 và 75 cm và đường cản quang để đặt chính xác. Kích cỡ 6-20FG, tổng chiều dài 122cm, chiều dài hữu dụng 119cm. * Vô trùng, đóng gói riêng lẻ	1 sợi/ Gói	Sợi	4,200	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
190	Tăm bông vệ sinh tai	Tên gọi khác: tăm bông trắng/tăm bông em bé. Nguyên liệu: đầu bông được làm từ bông y tế, 100% cotton, hút nước, đường kính đầu bông 3mm-4mm, bông 2 đầu, Kích thước que nhựa: 7,5cm. Loại: không tiệt trùng	100 que / hộp	Hộp	1,100	
191	Test kiểm soát tiệt trùng 2 thông số	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học . Thành phần không chứa chỉ . Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 4 để kiểm tra chất lượng tiệt trùng của từng gói đồ. Xác định các thông số TK nhiệt độ - thời gian có đạt hay không?	240 cái / hộp	Cái	480	
192	Test kiểm soát tiệt trùng 3 thông số	Dùng cho tiệt khuẩn hơi nước . Thiết kế hình tam giác với giấy bấc và hạy mực khô sẽ tan chảy trong quá trình hấp tiệt trùng . Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 5 để kiểm tra CLTK của từng gói đồ	500 miếng / gói	miếng	1,000	
193	Test thử lò hấp	Tấm thử dạng Bowie- Dick không chứa Chì với độ an tòan cao tuân theo tiêu chuẩn chất lượng nhằm kiểm tra chất lượng lò hấp tiệt trùng hút chân không.		Tờ	100	
194	Túi ép dẹp 100 mm x 200 m	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 100mm x 200m. Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp. 1. Hơi nước (Steam). 2. Khí Gas EO. 3. Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 70g / m2, độ dày màn flim 52µm. Chỉ thị màu khi hấp bằng hơi nước (Steam) thay đổi từ Hồng sang nâu,. Chỉ thị màu khi hấp Khí EO từ Hồng sang Vàng . Chỉ thị màu khi hấp khí Formaldehyd từ Hồng sang Xanh	8 cuộn / Thùng	Cuộn	20	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
195	Túi ép dẹp 200 mm x 200 m	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 200mm x 200m. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp. 1. Hơi nước (Steam). 2. Khí Gas EO . 3. Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 70g / m2, độ dày màn flim 52µm . Chỉ thị màu khi hấp bằng hơi nước (Steam) thay đổi từ Hồng sang nâu, . Chỉ thị màu khi hấp Khí EO từ Hồng sang Vàng . Chỉ thị màu khi hấp khí Formaldehyd từ Hồng sang Xanh	4 Cuộn / Thùng	Cuộn	40	
196	Túi ép tiệt trùng 150 mm x 100 m	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 150mm x 100m . Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp . 1. Hơi nước (Steam). 2. Khí Gas EO . 3. Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 70g / m2, độ dày màn flim 52µm . Chỉ thị màu khi hấp bằng hơi nước (Steam) thay đổi từ Hồng sang nâu, . Chỉ thị màu khi hấp Khí EO từ Hồng sang Vàng . Chỉ thị màu khi hấp khí Formaldehyd từ Hồng sang Xanh	4 cuộn / Thùng	Cuộn	50	
197	Túi ép tiệt trùng, 250 mm x 100 m	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 250mm x 100m. Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp. 1. Hơi nước (Steam). 2. Khí Gas EO. 3. Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 70g / m2, độ dày màn flim 52µm . Chỉ thị màu khi hấp bằng hơi nước (Steam) thay đổi từ Hồng sang nâu, Chỉ thị màu khi hấp Khí EO từ Hồng sang Vàng. Chỉ thị màu khi hấp khí Formaldehyd từ Hồng sang Xanh	4 Cuộn / Thùng	Cuộn	50	
198	Túi hơi HAK	Vật tư thay thế cho máy đo huyết áp	Gói/ cái	cái	32	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
199	Vật liệu cầm máu mũi	- Phù hợp trong phẫu thuật trong hốc, kích thước 8cm x 1,5 cm x 2 cm (Dài x Dày x Cao). - Được nén kép, không bị vụn, có thể cắt để tạo kích thước phù hợp. - Khả năng thấm hút hơn 20 lần trong lượng ban đầu khi ở trong chất lỏng. - Thành phần: Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate.- Hoàn toàn không có xơ vải, không bột, không gây hại môi trường. - Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu. - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	10 miếng/ hộp	Miếng	500	
200	Vòng đeo tay bệnh nhân các màu	Chất liệu: nhựa PVC, Không độc hại, không kích ứng da Đặc điểm: các màu xanh, hồng, đỏ, vàng, trắng. - Trên vòng có đục lỗ để điều chỉnh theo kích cỡ tay người đeo. Nút bấm gài là loại không tháo được (gài chết). - Vòng có chỗ ghi thông tin đủ rộng, in sẵn các thông tin: Tên, tuổi, giới tính... Kích thước: người lớn	100 cái/ gói	Cái	10,800	
201	Phim X- quang các loại, các cỡ	- Kích thước: 25cm x 30cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với máy in phim DRYPIX series, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3.	150 tấm/hộp, 5 hộp/thùng	Tấm	56,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
202	Phim X-quang khô laser 14x17 inch (35x43cm)	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, EC. - Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate butanoate < 5%. - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro Sigma / Drypro Sigma2. - Bao gói: Màng nhôm. - Có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối chính thức của hãng sản xuất tại Việt Nam.	125 tấm/hộp, 4 hộp / thùng	Hộp	45	
203	Găng kiểm tra dùng trong y tế các size	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thẩm thấu được, không gây kích ứng da, đàn hồi tốt. Chưa tiệt trùng. Không phân biệt tay trái tay phải, sử dụng được cho cả hai tay, bền, không rách, không lủng, có se viền mép, bề mặt trơn hoặc nhám, đầu ngón tay nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 240 mm - Chiều dày 1 lớp (min): 0.08 mm. - Chiều rộng: size XS: 70±10mm; size S: 80±10mm; size M: 95±10mm; size L: 111±10mm; size XL: ≥ 110 mm. - Cường lực kéo đứt: Trước già hóa: ≥ 7N, sau già hóa: ≥ 6N. - Độ dãn dài : Trước già hóa: ≥ 650%, sau già hóa: ≥ 500%.	1 đôi/ túi, 50 đôi/ hộp, 500 đôi/ thùng	Đôi	200,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
204	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột các size	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không phủ bột, găng được phủ một lớp Polymer chống dính, không gây kích ứng da, đàn hồi tốt. Chưa tiệt trùng. Không phân biệt tay trái tay phải, sử dụng được cho cả hai tay, bền, không rách, không lủng, có se viền mép, bề mặt trơn hoặc nhám, đầu ngón tay nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 240 mm - Chiều dày 1 lớp (min): 0.08 mm. - Chiều rộng: size XS: 70±10mm; size S: 80±10mm; size M: 95±10mm; size L: 111±10mm; size XL: ≥ 110 mm. - Cường lực kéo đứt: Trước già hóa: ≥ 7N, sau già hóa: ≥ 6N. - Độ dãn dài : Trước già hóa: ≥ 650%, sau già hóa: ≥ 500%.	1 đôi/ túi, 50 đôi/ hộp, 500 đôi/ thùng	Đôi	53,000	
205	Găng phẫu thuật tiệt trùng các số	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thẩm thấu được. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiệt trùng bằng khí EO, tiệt trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: 0,15±0,03 mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83±5mm; số 7.0: 89±5mm; số 7.5: 95±5mm; số 8.0: 102±5mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 12.5N; sau già hóa ≥ 9.5N. - Độ dãn dài: trước già hóa ≥ 700%, sau già hóa ≥ 550%.	1 đôi/ túi, 50 đôi/ hộp, 400 đôi/ thùng	Đôi	40,000	
206	Sáp xương			miếng	10	
207	Băng bột 3in (7,5x2,7cm)	Băng bột 3in (7,5x2,7cm)		Cuộn	700	
208	Băng bột 4in (10x2,7cm)	Băng bột 4in (10x2,7cm)		Cuộn	650	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
209	Băng bột 6in (15x2,7cm)	Băng bột 6in (15x2,7cm)		Cuộn	700	
210	Nẹp đùi các số	Nẹp đùi các số		Cái	450	
211	Nẹp Iselin	Nẹp Iselin		Cái	50	
212	Nẹp nhôm ngón tay 3 chân	Nẹp nhôm ngón tay 3 chân		Cái	50	
213	Nẹp vải cẳng bàn chân (trái phải)	Nẹp vải cẳng bàn chân (trái phải)		Cái	300	
214	Nẹp vải cẳng tay	Nẹp vải cẳng tay		Cái	1,550	
215	NẸP CHỐNG XOAY			CÁI	40	
216	Đai số 8			cái	130	
217	Đai Desautl các số			Cai	130	
218	Đai treo tay tam giác			cái	1,200	
219	Đinh Kirsner 1.2			cái	300	
220	Nẹp chữ T			cái	24	
221	Nẹp xương cẳng tay 6 lỗ			cái	24	
222	Nẹp xương cẳng tay 8 lỗ			cái	24	
223	Nẹp xương cẳng tay 10 lỗ			cái	24	
224	Nẹp xương đòn 7 lỗ Phải			cái	24	
225	Nẹp xương đòn 8 lỗ Phải			cái	24	
226	Nẹp xương đòn 10 lỗ phải			cái	24	
227	Nẹp xương đòn 7 lỗ trái			cái	24	
228	Nẹp xương đòn 8 lỗ trái			cái	24	
229	Nẹp xương đòn 10 lỗ trái			cái	24	
230	Vis 12mm			cái	20	
231	Vis 14mm			cái	20	
232	Vis 16mm			cái	20	
233	Vis 18mm			cái	20	
234	Vis 24mm			cái	20	
235	Mũi khoan các số			cái	120	
236	Bộ khăn tổng quát vô khuẩn C-OOP40			bộ	150	
237	Bộ khăn sanh mổ vô khuẩn O3P29			bộ	200	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
238	Bộ khăn sanh thường có túi và bao phủ chi A	Bộ khăn gồm có:1 x Khăn trải bàn dụng cụ L 140x200cm, 1 x Băng keo OP 9x50cm, 1 x Khăn phẫu thuật chi A: Khăn hình chữ T có màng TPE có lỗ đàn hồi đường kính 6cm và vùng thấm; có tấm cố định các ống dây, 1 x Khăn đa dụng 80x100cm, 1 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Bao chi dưới 28x85cm	18 Bộ/ Thùng	Bộ	200	
239	Bao gói dụng cụ tiệt trùng bằng vải không dệt (80x80 cm)	Chất liệu: vải không dệt 5 lớp SMMMS 50 gsm , chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có thể tiệt trùng bằng EO, hấp khô, hấp ướt, Plasma, đảm bảo độ bảo vệ cao sau tiệt trùng. Kích thước: 80x80 cm	50 cái/gói	Cái	2,000	
240	Bao gói dụng cụ tiệt trùng bằng vải không dệt (100x100 cm)	Chất liệu: vải không dệt 5 lớp SMMMS 50 gsm , chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có thể tiệt trùng bằng EO, hấp khô, hấp ướt, Plasma, đảm bảo độ bảo vệ cao sau tiệt trùng. Kích thước: 100x100 cm	50 cái/gói	Cái	2,000	
241	Bao gói dụng cụ tiệt trùng bằng vải không dệt (120x120 cm)	Chất liệu: vải không dệt 5 lớp SMMMS 50 gsm , chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có thể tiệt trùng bằng EO, hấp khô, hấp ướt, Plasma, đảm bảo độ bảo vệ cao sau tiệt trùng. Kích thước: 120x120 cm	50 cái/gói	Cái	2,000	
242	Bao gói dụng cụ tiệt trùng bằng vải không dệt (160x160 cm)	Chất liệu: vải không dệt 5 lớp SMMMS 50 gsm , chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, có thể tiệt trùng bằng EO, hấp khô, hấp ướt, Plasma, đảm bảo độ bảo vệ cao sau tiệt trùng. Kích thước: 160x160 cm	25 cái/ gói	Cái	1,000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
243	Kềm sinh thiết dạ dày, đại tràng các cỡ, sử dụng 1 lần	- Kềm sinh thiết dùng cho dạ dày/ đại tràng. - Sử dụng 1 lần. - Đường kính thân kềm: 2.3mm. - Chiều dài làm việc: 1600 mm/ 2000 mm. - Không vỏ - Lấy mô theo dạng dây kéo thép. - Đầu kềm sinh thiết có chức năng xoay theo hướng mô. - Sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.0 mm/ ≥ 2.8 mm.	10 cái/hộp	Cái	200	
244	Kim chích cầm máu, đường kính 2.3mm, sử dụng 1 lần	- Kim chích cầm máu, chích polyp và chích xơ. - Sử dụng 1 lần. - Thiết kế kim 3 mặt cắt nhọn, tiết diện lớn giúp dòng bơm nhanh hơn. - Đường kính: 2.3 mm. - Chiều dài làm việc: 2300mm. - Đường kính kim: 23G - Chiều dài kim: 4 mm - Sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.8 mm.	10 cái/hộp	Cái	120	
245	Nắp chụp đầu ống soi dạ dày	Nắp chụp đầu ống soi dạ dày	10 cái/hộp	Cái	2	
246	Nắp chụp đầu ống soi đại tràng	Nắp chụp đầu ống soi đại tràng	10 cái/hộp	Cái	2	
247	Kềm gắp dị vật răng chuột, sử dụng 1 lần	Kềm gắp dị vật răng chuột, đường kính 2.3mm, dài 2300m, sử dụng 1 lần	10 cái/hộp		2	
248	Kềm gắp dị vật răng cá sấu, sử dụng 1 lần	Kềm gắp dị vật răng cá sấu, đường kính 2.3mm, dài 2300mm, sử dụng 1 lần	10 cái/hộp		2	
249	Kềm gắp dị vật dạng lưới, sử dụng 1 lần	- Kềm gắp dị vật dạng lưới. - Sử dụng 1 lần. - Tay cầm có đánh dấu - Đầu vợt xoay 360 độ - Kích thước vợt: 25 x 55 mm - Đường kính: 2.5 mm - Chiều dài: 2300 mm - Sử dụng kênh sinh thiết: ≥ 2.8mm.	10 cái/hộp		2	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
250	Thòng lọng cắt polyp	- Thòng lọng cắt polyp hình oval/ thoi - Sử dụng 1 lần. - Xoay được 360 độ. - Tay cầm có đánh dấu. - Đường kính: 2.3 mm. - Chiều dài: 2300 mm. - Cỡ thòng lọng: 10mm/15mm/30 mm	10 cái/hộp	Cái	180	
251	Kẹp cầm máu (Hemoclip)	- Kẹp cầm máu dùng cho dạ dày/ đại tràng. - Sử dụng 1 lần. - Có vỏ. - Xoay 360 độ, 2 chiều. - Kẹp có thể đóng mở nhiều lần. - Có thể tháo kẹp khi đã kẹp vào mô. - Góc mở kẹp: 135°. - Độ mở kẹp: 11 mm - Chiều dài làm việc: 2300 mm. - Đường kính: 2.6 mm - Sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.8 mm.	10 cái/hộp	Cái	170	
252	Kẹp cầm máu	- Kẹp cầm máu dùng cho dạ dày/ đại tràng. - Sử dụng 1 lần. - Có vỏ. - Xoay 360 độ, 2 chiều. - Kẹp có thể đóng mở nhiều lần. - Có thể tháo kẹp khi đã kẹp vào mô. - Góc mở kẹp: 135°. - Độ mở kẹp: 13 mm - Chiều dài làm việc: 2300 mm. - Đường kính: 2.6 mm - Sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.8 mm.	10 cái/hộp	Cái	150	
253	Đầu thắt giãn tĩnh mạch thực quản, gồm 7 vòng thắt	- Đầu thắt bao gồm 7 vòng thắt bằng chất liệu tương thích sinh học được lắp sẵn. - Cấu trúc 2 sợi kéo. - Tương thích với tất cả ống soi có đường kính ngoài 8.6 mm - 13 mm.	5 cái/hộp	Cái	2	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
254	Kẹp da			cai	100	
255	Kim tê tủy			cái	1,200	
256	Kim hậu cầu			cái	500	
257	Kẹp mạch titan			Cai	100	
258	Lưỡi bào da			cái	10	
259	Lưới thành bụng			miếng	10	
260	Tay dao cắt đốt dùng 1 lần			cái	2,500	
261	Nước cất	Nước cất 1 lần, tinh khiết dùng pha hóa chất thí nghiệm. Dùng ngoài.	Can/30 lít	Lít	2,500	
262	Ethanol	Cho 1000ml chứa: Ethanol tinh luyện 96%: 730ml	Can 20 lít	Lít	2,750	
263	Ethanol	Cho 1000ml chứa: Ethanol tinh luyện 96%: 937,5ml	Can 20 lít	lít	300	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
264	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ y tế	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử. - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trực khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn Diệt khuẩn EN 13727, EN 14561 Chất diệt men EN 13624, EN 14562 Thuốc diệt nấm EN 13624, EN 14562 Tuberculocidal EN 14348, EN 14563 Mycobactericidal EN 14348, EN 14563 Virucidal EN 1447 - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485	Thùng 4 can; Can 3,78 lít	Can	200	
265	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate	Thành phần: 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111	Chai 1 Lít	Chai	200	
266	Dung dịch phun xịt khử khuẩn nhanh bề mặt tường và môi trường phòng	6% Hydrogen Peroxide + ion Bạc. Không màu, tiêu diệt vi khuẩn và làm bất hoạt các loại virus; dễ dàng phân hủy thành hơi nước và oxy (99,99% phân hủy sinh học).	can/5lít	Can	20	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
267	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại.	Hoạt chất: Ethanol 73.5% (w/w), Isopropanol 2.5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters… Chất tạo màu, hương liệu.	Chai 500ml	Chai	400	
268	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại.	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu .	Chai 500ml	Chai	300	
269	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ Glutaraldehyde 2%, PH = 6	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111 Tái sử dụng trong 30 ngày (kèm test thử).	Can 5 Lít	Can	20	
270	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	"Hỗn hợp 5 enzyme : Protease <0.1%, Lipase <0.1%, Amylase <0.1%, Mannanase <0.1%, Cellulase <0.1%, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.8-7.3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau"	Chai 1000ml	Chai	30	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
271	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại (chai xịt)	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg2+, Ca2+: EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu.	Chai 1000ml	Chai	200	
272	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	-Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu, giúp dụng cụ được khử khuẩn hiệu quả, hương bạc hà dễ chịu, át được mùi của dụng cụ bẩn, không gây ăn mòn dụng cụ - Đi sâu và làm sạch các vị trí khó tiếp cận như các khe ống nội soi, đồng thời làm sạch hiệu quả các chất béo và mỡ. - Tương thích với nhiều loại dụng cụ vật liệu phi kim loại như silicone, E® Cao su EPDM, PTFE, polyurethane, cao su viton và các vật liệu kim loại như thép không gỉ E® thép 304-2B, thép không gỉ 410, thép không gỉ 420 và nhôm anodized. - Đạt các tiêu chuẩn : EC, ISO, CFS	Thùng/4 can; Can/5 lít	Can	120	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
273	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Dung dịch đa enzyme, sát khuẩn, khử trùng dụng cụ, loại bỏ các mảng bám trên dụng cụ phẫu thuật, dụng cụ nội soi Tương thích với tất cả thiết bị rửa và siêu âm tự động. Thành phần: * 12% v/v (Protease, Lipase, Amylase) + Chất hoạt độc bề mặt. pH 7.4 Sử dụng dụng cụ tối thiểu trong vòng 10 phút. Hoạt chất bắt đầu tác động trong 30 giây. Các chứng nhận: CE, FDA, GLP, GMP, ISO13485, ISO9001, FSC	5 lit/ can	Can	70	
274	Hóa chất sát khuẩn	NaClO 10%±2%	Can/30 lít	Lít	12,000	
275	Acid Acetic	Acid Acetic 3%	chai/1 lít	chai	10	
276	Formol 37%	Dung môi Formaldehyde trong suốt, không màu, mùi hắc, độc, thận trọng, mang găng tay, mặt nạ phòng độc khi thao tác.	chai/500ml	Chai	60	
277	Povidine 5000 ml			bình	80	
278	Vôi soda			Bình	20	
Nhóm 3. VẬT TƯ THAY THẾ - THỂ TINH THỂ						
279	Thuỷ tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu kéo dài tiêu cự không ngậm nước	Thuỷ tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu kéo dài tiêu cự (EDOF) Chất liệu Acrylic không ngậm nước, tăng cường thêm tầm nhìn trung gian, Sắc sai thấp với số ABBE =55, thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sai về gần zero; bờ sau vuông 360 độ liên tục, được xử lý mờ chống chói; thiết kế 3 điểm cố định túi bao; chỉ số khúc xạ 1.47; càng chữ C; đường kính thấu kính 6mm, chiều dài tổng 13mm; Công suất +5.0D đến +34.0D; được đặt qua vết mổ 2.2mm; dùng kèm Injector kiểu xoay. Tiêu chuẩn chất lượng FDA	Hộp/1 cái	Cái	400	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
280	Thủy tinh thể mềm một mảnh đơn tiêu chất liệu Acrylic ngậm nước	'- Thủy tinh thể mềm một mảnh đơn tiêu chất liệu Acrylic ngậm nước 25 % đến ≤ 26% kết hợp bề mặt không ngậm nước - Đặc điểm vùng quang học: Phi cầu - Hiệu chỉnh quang sai ≤ - 0,26 µm - Nhuộm vàng, lọc tia UV và lọc ánh sáng xanh - Càng dĩa 4 chân - Optic: 6mm - Tổng chiều dài: 11mm - 13mm - Góc càng: 0°/5° - Dải công suất kính từ: -5.0 D đến +40.0 D - Lắp đặt sẵn trong Cartrige - Đặt qua vết mổ nhỏ ≤ 2,8 mm	Hộp/1 cái	Cái	600	
281	Thủy tinh thể nhân tạo bề mặt không ngậm nước, đơn tiêu cự	- Thủy tinh thể đơn tiêu, mềm, 1 mảnh - Chất liệu Hydrophillic Acrylic ngậm nước (25%), kết hợp với bề mặt không ngậm nước, đơn tiêu cự. - Phi cầu 2 mặt. - Hiệu chỉnh quang sai: ≥ - 0.10 µm - Nhuộm vàng, lọc tia UV và ánh sáng xanh. - Càng chữ C. - Optic: 6mm - Tổng chiều dài: 11mm - 13mm - Góc càng 0°. - Dải công suất: - 20 D --> + 45D (tăng đều 0.5D). - Đặt qua vết mổ nhỏ ≤ 2,8 mm - Kèm dụng cụ đặt kính	Hộp/1 cái	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
282	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu mở rộng, mềm, 1 mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Acrylic ngậm nước 26%. - Thiết kế phi cầu mặt trước. - Vòng ngăn tế bào đục bao sau 360 ° mặt sau kính. - Lọc tia UV. Lọc ánh sáng xanh. Góc càng 0°. Càng chữ C. - Đường kính optic 6.0mm, chiều dài kính 12.5mm. - Hằng số A =118.4. Độ sâu tiền phòng ACD : 5.37 - Chỉ số ABBE: 56. - Chỉ số khúc xạ n= 1.46 - Dãy diop từ -20 D đến +60 D. - Vết mổ nhỏ 2,2 mm.	Hộp 1 cái	Cái	400	
Nhóm 4. HÓA CHẤT VẬT LIỆU NHA						
283	Keo trám bít ống tuỷ	Keo trám bít ống tuỷ	8g bột + 10g resin/ hộp	Hộp	2	
284	Alginate Aroma GC	Alginate Aroma GC	500g/ gói	Gói	1	
285	Axit xói mòn sứ Porcelain - XX	Axit xói mòn sứ Porcelain - XX	1.2ml/ tuýp	Tuýp	1	
286	Biodentine	Vật liệu thay thế ngà răng	5 nhộng + 5 pipet/ hộp	Hộp	1	
287	Cao su nặng Silagum Putty DMG-Sea	Cao su nặng Silagum Putty DMG-Sea	Cặp/2x262ml	Cặp	1	
288	Cao su nhẹ Elite HD	Cao su nhẹ Elite HD	2 tuýp x 90ml/ hộp	Hộp	1	
289	Cement gắn tạm Cavex	Cement gắn tạm Cavex	35g ống nền + 16g ống xúc tác/ hộp	Hộp	1	
290	Cement trám sứ Zirconomer P	Cement trám sứ Zirconomer P	Hộp/12g:5ml	Hộp	1	
291	Absorbent Paper Point các cỡ	Absorbent Paper Point các cỡ	Hộp/120 cây	Hộp	1	
292	Gutta Percha Points - A/B/C/D	Gutta Percha Points - A/B/C/D	Hộp/120 cây	Hộp	1	
293	Composite Denfil các cỡ	Composite Denfil các cỡ	Tuýp/4g	Tuýp	10	
294	Composite Denfil Flow - A3; A3.5	Composite Denfil Flow - A3; A3.5	Tuýp/2g	Tuýp	20	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
295	Cone gutta Percha Points Máy các cỡ	Cone gutta Percha Points Máy các cỡ	Hộp/60 cây	Hộp	20	
296	Gutta Percha Points các cỡ	Gutta Percha Points các cỡ	Hộp/120 cây	Hộp	20	
297	Ceivitron Đài Loan 30g	Ceivitron Đài Loan 30g	Lọ/30g	Lọ	20	
298	Chỉ co nướu Ultrapak 3/0 - XX	Chỉ co nướu Ultrapak 3/0 - XX	Lọ/ 285cm	Lọ	10	
299	Chỉ kẽ răng OKAMURA	Chỉ kẽ răng OKAMURA	Hủ/70 cây	Hủ	2	
300	Chống ê Sensi Kin Gel - 15ml	Chống ê Sensi Kin Gel - 15ml	Hộp/15ml	Hộp	2	
301	Etching 37% denfil 5ml	Etching 37% denfil 5ml	Tuýp/5ml	Tuýp	1	
302	Fuji 9 lớn A2 GC	Fuji 9 lớn A2 GC	Hộp/15g:8g	Hộp	1	
303	Fuji Plus GC	Fuji Plus GC	Hộp/15g:8g	Hộp	2	
304	Canxi hydroxit Well-paste/pex	Canxi hydroxit Well-paste/pex	Hộp/2g	Hộp	1	
305	Oxít kẽm ZnO - Prevest	Oxít kẽm ZnO - Prevest	Lọ/110g	Lọ	1	
306	Reamer NIC các cỡ	Reamer NIC các cỡ	Hộp/6 cây	Vĩ	10	
307	Reamer H-File NIC các cỡ	Reamer H-File NIC các cỡ	Hộp/6 cây	Vĩ	10	
308	K-File NIC các cỡ	K-File NIC các cỡ	Hộp/6 cây	Vĩ	15	
309	Reamer máy Hyflex CM	Reamer máy Hyflex CM	Vĩ/6 cây	cây	10	
310	Thạch cao Snow Rock (BIO+)	Thạch cao Snow Rock (BIO+)	Gói/1Kg	kg	10	
311	Bệ nhận răng giả các cỡ	Bệ nhận răng giả các cỡ		Cái	40	
312	Bộ trám xoang inox	Bộ trám xoang inox		Bộ	4	
313	Bóc tách TQ	Bóc tách TQ		Cây	10	
314	Bond 3M 5ml 3IN1	Bond 3M 5ml 3IN1		Lọ	12	
315	Cầm máu	Cầm máu		gói	70	
316	Cầm máu nướu	Cầm máu nướu		Ống	5	
317	Canxi	Canxi		Lọ	15	
318	Cao su đặc Silagum	Cao su đặc Silagum		hộp	31	
319	Cao su lỏng Silagum	Cao su lỏng Silagum		hộp	40	
320	Cao su trung bình HD	Cao su trung bình HD		cặp	10	
321	Cây đo túi	Cây đo túi		Cây	1	
322	Cây nạo ngà	Cây nạo ngà		cây	10	
323	Ceivitron HQ (Trám tạm)	Ceivitron HQ (Trám tạm)		hộp	23	
324	Chất tẩy trắng răng Pola Office+ 3 Pat Econ	Chất tẩy trắng răng Pola Office+ 3 Pat Econ		hộp	2	
325	Che tủy Liner	Che tủy Liner		hộp	2	
326	Chêm gỗ	Chêm gỗ		hộp	5	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
327	Chỉ 000 Ultrapak	Chỉ 000 Ultrapak		Lọ	17	
328	Chỉ Oral B	Chỉ Oral B		Cuộn	21	
329	Chổi đánh bóng (Prophy Brush Tapered)	Chổi đánh bóng (Prophy Brush Tapered)		Cái	200	
330	Chốt Europost	Chốt Europost		Cái	80	
331	Chốt sợi thủy tinh	Chốt sợi thủy tinh		Cây	10	
332	Cọ thẩm mỹ	Cọ thẩm mỹ		Lọ	50	
333	Composite 3M Z 250	Composite 3M Z 250		Ống	10	
334	Composite đặc Premium	Composite đặc Premium		Cây	5	
335	Composite lỏng Capo Slow Flow	Composite lỏng Capo Slow Flow		Cây	110	
336	Cone giấy	Cone giấy		hộp	100	
337	Cone gutta (Tăm nhựa)	Cone gutta (Tăm nhựa)		hộp	100	
338	Cone phụ A	Cone phụ A		hộp	30	
339	Cone phụ B	Cone phụ B		hộp	50	
340	Cùi giả Titan	Cùi giả Titan		Cái	150	
341	Cùi giả Zirconia	Cùi giả Zirconia		Cái	10	
342	Đài cao su	Đài cao su		Cái	10	
343	Đai kim loại (Đai Amlgam)	Đai kim loại (Đai Amlgam)		gói	20	
344	Dầu NSK	Dầu NSK		Chai	20	
345	Đầu ống bơm cao su	Đầu ống bơm cao su		Cái	20	
346	Dầu xịt tay khoan	Dầu xịt tay khoan		Chai	2	
347	Đệm Hàm	Đệm Hàm		Cái	10	
348	Denfil đặc	Denfil đặc		Ống	34	
349	Denfil lỏng	Denfil lỏng		Ống	69	
350	Đĩa cắt kim loại	Đĩa cắt kim loại		Cái	5	
351	Đĩa đánh bóng sứ	Đĩa đánh bóng sứ		Cái	20	
352	Dụng cụ điều trị nội nha (Trâm chữa tủy bằng Nicken Titanium, có thể dùng tay hoặc máy)	Dụng cụ điều trị nội nha (Trâm chữa tủy bằng Nicken Titanium, có thể dùng tay hoặc máy)		hộp	50	
353	Etching Úc	Etching Úc		Ống	30	
354	Eugenol	Eugenol		Lọ	6	
355	Fixodent keo dán hàm giả	Fixodent keo dán hàm giả		hộp	20	
356	Fuji 9	Fuji 9	Hộp/15g	hộp	12	
357	Gắn tạm Cavex	Gắn tạm Cavex		hộp	5	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
358	Gel bôi	Gel bôi		Lọ	10	
359	Giấy cắn 2M	Giấy cắn 2M		Hộp	10	
360	Giấy nhám	Giấy nhám		tờ	7	
361	H - File 15 - 40	H - File 15 - 40		vỉ	10	
362	Hàm khung	Hàm khung		Cái	20	
363	Hàm khung Titan	Hàm khung Titan		Cái	22	
364	Hàm Nhựa Dẻo Lớn	Hàm Nhựa Dẻo Lớn		Cái	16	
365	Hàm Nhựa Dẻo Nhỏ	Hàm Nhựa Dẻo Nhỏ		Cái	15	
366	Khay lấy dấu xanh	Khay lấy dấu xanh		Cặp	100	
367	Kim chích tê ngắn, dài	Kim chích tê ngắn, dài		Hộp/100 Cây	4,200	
368	Kim Gai trắng, vàng	Kim Gai trắng, vàng		vĩ	70	
369	Kim Morita 0.4*21 (dài)	Kim Morita 0.4*21 (dài)		Cây	150	
370	Kim ngắn Sirio	Kim ngắn Sirio		Cây	1,300	
371	Kim Septodont 30x21	Kim Septodont 30x21		Cây	200	
372	Lấy dấu Aroma	Lấy dấu Aroma		gói	80	
373	Lèn A,B,C,D	Lèn A,B,C,D		Vĩ	20	
374	Lentulo TD dent	Lentulo TD dent		Vĩ	50	
375	Lưới	Lưới		Cái	25	
376	Luxatemp	Luxatemp		hộp	2	
377	Máng tẩy cứng	Máng tẩy cứng		Cái	6	
378	Máng tẩy mềm	Máng tẩy mềm		Cái	20	
379	Mặt Gương Hàn Quốc	Mặt Gương Hàn Quốc		Cái	500	
380	Megacem Trám Đức	Megacem Trám Đức		hộp	1	
381	Móc Mềm	Móc Mềm		Cái	16	
382	Mũi cạo vôi DTE	Mũi cạo vôi DTE		Mũi	30	
383	Mũi cắt cầu Mani	Mũi cắt cầu Mani		Mũi	6	
384	Mũi đá mài	Mũi đá mài		cái	18	
385	Mũi đánh bóng Enhance	Mũi đánh bóng Enhance		Cái	20	
386	Mũi Endoz Mani	Mũi Endoz Mani		mũi	15	
387	Mũi Gates	Mũi Gates		Vĩ	25	
388	Mũi HP702	Mũi HP702		Mũi	3	
389	Mũi khoan mani	Mũi khoan mani		cây	799	
390	Mũi Khoan Phẫu Thuật	Mũi Khoan Phẫu Thuật		Cây	132	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
391	Mũi khoan thép	Mũi khoan thép		Mũi	88	
392	Mũi khoan vạch TD	Mũi khoan vạch TD		Mũi	45	
393	Mũi Mài nhựa	Mũi Mài nhựa		Mũi	17	
394	Mũi nạo ngà Mani	Mũi nạo ngà Mani		Vĩ	2	
395	Mũi Pesso	Mũi Pesso		Vĩ	1	
396	Nhám kẻ	Nhám kẻ		sợi	12	
397	Nhộng Tetric đặc	Nhộng Tetric đặc		Con	5	
398	Nhựa đệm hàm	Nhựa đệm hàm		Bộ	1	
399	Ống bơm cao su lỏng	Ống bơm cao su lỏng		Cái	5	
400	Ống chích Osung	Ống chích Osung		Cái	20	
401	Ống hút nước bọt	Ống hút nước bọt		Cái	11,850	
402	Ống hút phẫu thuật	Ống hút phẫu thuật		Gói	19	
403	Paton de kerr (sáp)	Paton de kerr (sáp)		cây	36	
404	Politip đánh bóng composite	Politip đánh bóng composite		Cái	75	
405	Răng Composite	Răng Composite		Cái	350	
406	Răng Justy	Răng Justy		Cái	760	
407	Răng kim loại	Răng kim loại		Cái	10	
408	Răng kim loại Crom-Coban	Răng kim loại Crom-Coban		Cái	5	
409	Răng kim loại titan	Răng kim loại titan		Cái	5	
410	Răng sứ	Răng sứ		Cái	213	
411	Răng sứ Cercon	Răng sứ Cercon		Cái	10	
412	Răng sứ Crôm-Coban	Răng sứ Crôm-Coban		Cái	20	
413	Răng sứ Full Zirconia	Răng sứ Full Zirconia		Cái	30	
414	Răng sứ Titan	Răng sứ Titan		Cái	212	
415	Răng tạm Conposite	Răng tạm Conposite		Cái	5	
416	Răng Việt Nam	Răng Việt Nam		Cái	31	
417	RC Clean	RC Clean		Lọ	1	
418	Reamer #10-80 (Mani)	Reamer #10-80 (Mani)		vỉ	524	
419	Sáp	Sáp		gói	29	
420	Sò đánh bóng	Sò đánh bóng		Con	538	
421	Tan Cone	Tan Cone		Lọ	1	
422	Thạch cao snow	Thạch cao snow		gói	38	
423	Thám trâm	Thám trâm		Cái	40	
424	Thước nội nha	Thước nội nha		Cái	2	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu vầu kỹ thuật (Mô tả đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi Chú
425	Trâm C-Files	Trâm C-Files		Vĩ	11	
426	Trâm D-finders	Trâm D-finders		vĩ	1	
427	Trâm protaper tay	Trâm protaper tay		bộ	4	
428	Trụ cấy ghép phi 3.6 chiều dài 08mm	Trụ cấy ghép phi 3.6 chiều dài 08mm		Cái	40	
429	Trục lắp	Trục lắp		Cái	3	
430	U200 Xi Măng Gắn Sứ Không Kim Loại	U200 Xi Măng Gắn Sứ Không Kim Loại		hộp	5	
431	Ultrablend Che Tủy	Ultrablend Che Tủy		Ống	3	
432	Vá Hàm	Vá Hàm		Cái	5	
433	Bột tự cứng hồng nhỏ	Bột tự cứng hồng nhỏ		Chai	2	
434	Chất bôi trơn ống tủy Sofprep	Chất bôi trơn ống tủy Sofprep		Ống	15	
435	Cortisomol	Cortisomol		lọ	6	
436	Endomethason	Endomethason		hộp	1	
437	Fuji Plus	Fuji Plus		hộp	10	
438	Glyde (Trâm trơn)Chất bôi trơn ống tủy	Glyde (Trâm trơn)Chất bôi trơn ống tủy		Ống	6	
439	Nước tự cứng nhỏ	Nước tự cứng nhỏ		Chai	3	
440	Opa 15%	Opa 15%		hộp	2	
441	Osomol	Osomol		lọ	1	
442	Canxi hydroxit paste	Canxi hydroxit paste		ống	10	
443	Cầm máu tự tiêu			hộp	10	
444	Cemen gắn tạm Seal stem S			hộp	2	

Tổng cộng : 444 khoản

Tên đơn vị:
Địa chỉ:
Mã số thuế:

PHỤ LỤC 3

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Quận 1

"…..(Tên đơn vị cung cấp)…, có địa chỉ tại:……, mã số thuế……, số điện thoại liên hệ……"

Căn cứ thông báo số: /TB-BV của bệnh viện Quận 1 về việc mời chào giá và khả năng cung cấp của Công ty, chúng tôi gửi Quý Bệnh viện bảng chào giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo danh mục yêu cầu mời báo giá	Tên hàng hóa mời thầu	Nhóm/ Phần	Mã VTYT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Phân loại theo Phụ lục II Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022	Mã ký hiệu/Chủng loại (nếu có)	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất)	Quy cách đóng gói (nếu có)	Đơn vị tính	Đơn giá (Đã bao gồm VAT)	Số lượng/Khối lượng

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.
- Số điện thoại liên hệ:

……, ngày.... tháng....năm 2024
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Công ty báo giá những mặt hàng công ty có khả năng cung cấp, không phải báo giá tất cả các mặt hàng trong danh mục.
- Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế phí lệ phí và chi phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí khác có liên quan.